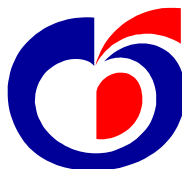


SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA (POMINA)



Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700321364 (số cũ 4603000570) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 17 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 vào ngày 11 tháng 02 năm 2010

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày tháng năm 2010)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)



Bản cáo bạch này sẽ được cung cấp tại:

1. Trụ sở giao dịch Công ty Cổ phần Thép Pomina

- ☐ Địa chỉ: Đường số 27, KCN Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- ☐ Điện thoại: (84.650) 3 710 051 Fax: (84.650) 3 740 862

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

- ☐ 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- ☐ Điện thoại: (84.8) 3 8242 897 Fax: (84.8) 3 8244 259

3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tại Hà Nội

- ☐ 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- ☐ Điện thoại: (84.4) 3 9366 321 Fax: (84.4) 3 9366 311

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **TRẦN TÔ TỬ**

Chức vụ: **TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Số điện thoại: (84.650) 3 710 051

Fax: (84.650) 3 740 862



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA (POMINA)

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700321364 (số cũ 4603000570) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 17 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 vào ngày 11 tháng 02 năm 2010.

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thép Pomina
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết:	163.000.000 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá):	1.630.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

❖ **Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán (AFC)**

Địa chỉ: Lầu 2 Indochina Park Tower, 4 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 6 2200 237

Fax: (84.8) 6 2200 265

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3 8242 897

Fax: (84.8) 3 8244 259



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1. Rủi ro kinh tế	7
2. Rủi ro về luật pháp	8
3. Rủi ro đặc thù	9
3.1. Rủi ro lãi suất	9
3.2. Rủi ro tỷ giá	9
3.3. Rủi ro cạnh tranh	9
3.4. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu	11
3.5. Rủi ro liên quan đến khoản mục phế liệu tồn kho tại Công ty Cổ phần Thép Việt không được kiểm toán xác nhận trong Báo cáo kiểm toán 2009	11
4. Rủi ro khác	12
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	12
1. Tổ chức niêm yết	12
2. Tổ chức tư vấn	12
III. CÁC KHÁI NIỆM	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	15
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	21
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	22
4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	24
4.1. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 08/03/2010 như sau: 24	
4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 08/03/2010	25
4.3. Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 08/03/2010	25
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	26
6. Hoạt động kinh doanh	27
6.1. Sản lượng và giá trị sản phẩm	27
6.2. Nguyên vật liệu	30
6.3. Chi phí sản xuất	31
6.4. Trình độ công nghệ	32
6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm	46
6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ	47



6.7. Hoạt động Marketing	50
6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	53
6.9. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết	54
6.10. Thị phần, thị trường của Công ty Pomina	55
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm gần nhất	56
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty 2007 – 2009	56
7.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2007, 2008 và 2009	57
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	58
8.1. Vị thế của Công ty trong ngành	58
8.2. Triển vọng phát triển của ngành	60
8.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	62
9. Chính sách với người lao động	63
10. Chính sách cổ tức	64
11. Tình hình hoạt động tài chính	64
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản:	64
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	69
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	71
13. Tài sản	83
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức 2009-2011	85
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	86
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	90
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán phát hành	90
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	91
1. Loại chứng khoán	91
2. Mệnh giá	91
3. Tổng số cổ phiếu niêm yết	91
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức phát hành	91
5. Phương pháp tính giá	92
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	96
7. Các loại thuế liên quan	96
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT	98
1. Tổ chức tư vấn	98
2. Tổ chức kiểm toán	99



VII. PHỤ LỤC	101
1. Phụ lục 1: Xác nhận của Công ty Kiểm toán AFC-BDO về tính khả thi của phương án kiểm kê tồn kho phế liệu;	101
2. Phụ lục 2: Danh sách nhà đầu tư riêng lẻ đợt phát hành tháng 07/2009;	101
3. Phụ lục 3: Danh sách cổ đông Thép Thép Việt hoán đổi cổ phiếu đợt phát hành tháng 12/2009;	101
4. Phụ lục 4: Danh sách nhà đầu tư tổ chức đợt phát hành riêng lẻ tháng 01/2010;	101
5. Phụ lục 5: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;	101
6. Phụ lục 6: Điều lệ Công ty;	101
7. Phụ lục 7: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2007, 2008 và 2009 (Công ty mẹ và hợp nhất), Báo cáo kiểm toán nguồn vốn ngày 07/01/2010;	101
8. Phụ lục 8: Hồ sơ định giá tài sản tại 31/12/2007.	101



Danh sách các bảng

Bảng 1: Tiêu thụ thép tính theo đầu người năm 2008	7
Bảng 2: Kế hoạch tăng trưởng ngành thép Việt Nam	8
Bảng 3: Danh sách các Ngân hàng nơi Pomina mở tài khoản	15
Bảng 4: Quá trình thay đổi vốn điều lệ từ khi thành Công ty cổ phần	16
Bảng 5: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 08/03/2010	24
Bảng 6: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên tại thời điểm 08/03/2010	25
Bảng 7: Cơ cấu vốn điều lệ thời điểm 08/03/2010	25
Bảng 8: Sản lượng thép 2007 – 2009 chi tiết theo dòng sản phẩm	29
Bảng 9: Doanh thu thuần 2007 – 2009 chi tiết theo dòng sản phẩm	29
Bảng 10: Lợi nhuận gộp 2007 – 2009 chi tiết theo dòng sản phẩm	29
Bảng 11: Sản lượng nguyên vật liệu chính 2007 – 2009	30
Bảng 12: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Pomina	30
Bảng 13: Tỷ trọng chi phí sản xuất (Giá vốn hàng bán) trên doanh thu 2007 – 2009	31
Bảng 14: Tỷ trọng chi phí trên doanh thu thuần 2007 – 2009	32
Bảng 15: Nhu cầu vốn đầu tư (cố định)	45
Bảng 16: Nhu cầu vốn đầu tư (lưu động)	46
Bảng 17: Hiệu quả dự án	46
Bảng 18: Chi phí truyền thông thương hiệu Pomina năm 2009	52
Bảng 19: Kế hoạch truyền thông thương hiệu Pomina năm 2010	52
Bảng 20: Danh sách một số hợp đồng lớn của Pomina đến 26/03/2010	54
Bảng 21: Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2007 – 2009	56
Bảng 22: So sánh sản lượng và thị phần các doanh nghiệp sản xuất thép 2006-2008	58
Bảng 23: Năng lực sản xuất phôi thép và nhu cầu phôi thép trong nước	61
Bảng 24: So sánh công suất nhà máy thép theo quy mô nhà máy	62
Bảng 25: Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc	63
Bảng 26: Tỷ lệ cổ tức 2009 – 2013 (dự kiến)	64
Bảng 27: Các khoản phải thu năm 2007 – 2009	65
Bảng 28: Các khoản phải trả năm 2007 – 2009	65
Bảng 29: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2007 – 2009	69
Bảng 30: Danh mục tài sản cố định chính	83
Bảng 31: Danh mục tài sản là đất đai, bất động sản	84
Bảng 32: Dự kiến các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh 2010 – 2013	85
Bảng 33: Các chỉ số tài chính của các Doanh nghiệp thép đang niêm yết	90



Danh sách các hình

Hình 1: Logo chương trình “Ngôi nhà Mơ ước”	11
Hình 2: Logo chương trình “Câu chuyện Ước mơ”	11
Hình 3: Sơ đồ tổ chức Công ty	21
Hình 4: Sơ đồ quản lý Công ty	23
Hình 6: Logo Pomina.....	27
Hình 7: Quy trình sản xuất thép	28
Hình 8: Lò luyện FORNI INDUSTRIALI BENDOTTI	33
Hình 9: Dàn cán VAI-POMINI.....	33
Hình 10: Dây chuyền cán thép cuộn của VAI-POMINI	34
Hình 11: Sàn nguội và Máy bó thép cuộn VAI-POMINI	34
Hình 12: Laying head, máy rải thép cuộn VAI-POMINI	35
Hình 13: Lò nung theo công nghệ lò đẩy của Forni Industriali Bendotti 12M	35
Hình 14: Dây chuyền cán SIMAC (Ý) 300.000 Tấn/ năm	36
Hình 15: Sàn làm nguội SIMAC	36
Hình 16: Dàn xếp thép hình và thanh (STACKER) của SIMAC.....	37
Hình 17: Kho thành phẩm, Cầu trục Demag (Đức).....	37
Hình 18: Cột trục bãi liệu.....	38
Hình 19: Khu vực Consteel và Scrap yard	38
Hình 20: Khu vực lò EAF.....	39
Hình 21: Khu vực lò LF	39
Hình 22: Khu vực Laddle Turret.....	40
Hình 23: Khu vực phòng điện.....	40
Hình 24: Khu vực xử lý bụi	41
Hình 25: Khu vực xử lý nước	41
Hình 26: Nhà máy sản xuất Oxy	42
Hình 27: Trạm điện.....	42
Hình 28: Lò BUỐC 12M hiện đại của Forni Industriali Bendotti.....	43
Hình 29: Dàn cán 19 giá cán của SIEMENS VAI.....	43
Hình 30: Phòng điều khiển tự động.....	44
Hình 31: Kho thành phẩm	44
Hình 32: Roll shop với các máy CNC chuẩn bị trục cán	45
Hình 33: Máy thử thành phần hóa học SPECTRO LAB	48
Hình 34: Phân tích 16 thành phần hóa học trong từng mẻ thép	48
Hình 35: Máy phân tích thành phần hóa học LECO	49
Hình 36: Máy thử tính cơ lý	49
Hình 37: Logo Công ty Pomina	53

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

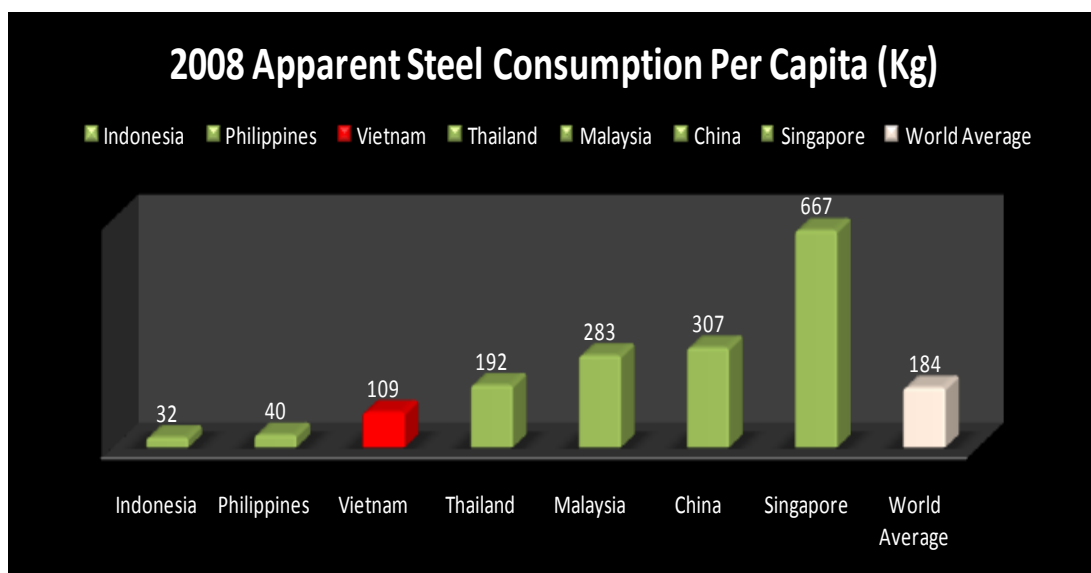
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Ngoài những nhân tố rủi ro được đề cập đến trong những phần khác của bản cáo bạch này, những nhân tố rủi ro sau đây có thể sẽ được hình thành và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tài chính và sản xuất của Công ty. Những nhân tố rủi ro khác mà Công ty không có biết vào thời điểm hiện tại hoặc Công ty cho rằng sẽ không hình thành cũng có thể sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tài chính và sản xuất của Công ty.

1. Rủi ro kinh tế

Sự phát triển của ngành sản xuất thép xây dựng tùy thuộc vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp và xây dựng nói riêng. Hiện Việt Nam chỉ mới bước vào giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với nhiều dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng được triển khai, quá trình này còn cần được đẩy mạnh trong suốt nhiều thập niên tới. Đặc biệt hiện nay, khi Việt Nam đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO, nền kinh tế Việt Nam đã và đang đón nhận nhiều làn sóng đầu tư với các dự án lớn về công nghiệp và xây dựng được triển khai. Với việc đón nhận các làn sóng đầu tư, nhu cầu thép chất lượng cao phục vụ của các công trình lớn sẽ gia tăng đáng kể.

Bảng 1: Tiêu thụ thép tính theo đầu người năm 2008¹



Bảng 1 nêu trên cho thấy mức tiêu thụ thép trên đầu người của Việt Nam vẫn còn thấp so với nhiều nước trong khu vực Châu Á và Đông Nam Á. Do đó nhu cầu tiêu dùng thép trong tương lai tại Việt Nam rất lớn. Theo dự báo của Chính Phủ quy hoạch ngành thép thì nhu cầu sắt thép đến năm 2020 đạt mức 20 triệu tấn, còn theo Viện Nghiên cứu chiến lược thuộc Bộ Công Thương dự báo, đến năm 2020 nhu cầu thép của Việt Nam vào khoảng 22 triệu tấn. Tổng

¹ Tiêu thụ thép tính theo đầu người, World Steel Association, SEASI Statistical Year Book 2008 and ASEAN Secretariat Website, 2008



năng lực cán thép hiện tại là 6,2-6,4 triệu tấn/năm. Sản lượng thép cán năm 2008 là 4,364 triệu tấn. Tổng công suất luyện thép khoảng 3,5 triệu tấn, sản lượng phôi thép sản xuất năm 2008 đạt 2,050 triệu tấn².

Đối với các nước đang phát triển, để có thể làm nền tảng cho tốc độ phát triển cao và bền vững thì nhu cầu về xây dựng cơ sở hạ tầng là rất lớn. Thực tế ở các nước này trong đó có Việt Nam, tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng luôn luôn lớn hơn rất nhiều so với tốc độ tăng trưởng chung của GDP và xu hướng này thường kéo dài trong nhiều năm.

Riêng trong năm 2009 và 2010, gói kích cầu của các Chính phủ, trong đó có Chính Phủ Việt Nam tập trung chủ yếu vào lĩnh vực đầu tư sản xuất trong đó có nhà xưởng và xây dựng cơ bản, hạ tầng cơ sở - các dự án cầu đường, nhà ở cho người thu nhập thấp là chính do đó thị trường tiêu thụ cho thép xây dựng trong năm 2009-2010 được dự đoán khả quan. Vì vậy theo Công ty, rủi ro về kinh tế không phải là một rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Thép, *Quyết định của Thủ tướng số 134/2001/QĐ-TT*, 10/9/2001, thì tiềm năng ngành thép Việt Nam trong những năm tới như sau:

Bảng 2: *Kế hoạch tăng trưởng ngành thép Việt Nam*³

Giai đoạn	Mức tăng trưởng GDP (%)	Mức tăng trưởng ngành công nghiệp (%)	Mức tăng trưởng ngành sản xuất thép (%)	Mức gia tăng tiêu thụ sắt thép (%)	Số cầu sắt thép (triệu tấn / năm)	Mức tiêu thụ bình quân đầu người (kg/người)	Sản xuất nội địa (%)
2000	6,94	13,57	27	9	N/A	37	N/A
2005	7,5	14,08	14	10-11	6,48	78	51
2010	7,5	10,38	10	10,6	10	123	61
2015	7,0	8-9	9-9,5	9-9,5	16	170	62
2020	6,5	7-8	8-8,5	8-8,5	20	240	70

2. Rủi ro về luật pháp

Là một Công ty cổ phần nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn, những quy định xuất và nhập khẩu của Việt Nam và các nước khác nơi mà Công ty đang có hoạt động kinh doanh. Công ty sẽ tiếp tục chịu những ảnh hưởng pháp lý trong và ngoài nước này trong thời gian tới. Ngoài ra, khi đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật, Nghị định và các Quy định về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán.

Hiện nay, hệ thống luật pháp Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý cho hoạt động kinh doanh của

² Asean Steel 2009, Vietnam Country report

³ Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Thép, *Quyết định của Thủ tướng số 134/2001/QĐ-TT*, 10/9/2001



Pomina. Để hạn chế rủi ro này, Công ty phải chủ động nghiên cứu, nắm bắt sát sao các chủ trương đường lối của Nhà nước, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro lãi suất

Để duy trì cũng như để đầu tư phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty thường xuyên phải vay vốn của các tổ chức tín dụng. Nhu cầu vốn lưu động nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, nhu cầu vốn dài hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư phát triển là lớn. Do đó, lãi suất thị trường tăng làm tăng chi phí vay vốn của Công ty.

3.2. Rủi ro tỷ giá

Do Công ty thường xuyên phải nhập khẩu phôi thép từ nước ngoài nên tỷ giá hối đoái có tác động không nhỏ tới giá nguyên vật liệu đầu vào và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã có kế hoạch chủ động cân đối nguồn ngoại tệ phục vụ cho việc nhập khẩu phôi thép. Bên cạnh đó, Công ty có quan hệ uy tín với các tổ chức tín dụng nên nguồn vốn vay bằng ngoại tệ luôn được đảm bảo và sử dụng linh hoạt.

3.3. Rủi ro cạnh tranh

Tính đến cuối năm 2008, nhu cầu thép cả nước đạt gần 5 triệu tấn. Trong khi đó năng lực sản xuất cả nước đã lên tới khoảng 7 triệu tấn (*Nguồn: Pomina*). Nhưng thực chất thép vẫn thiếu trên thị trường bởi vì:

- Công suất này bao gồm cả công suất của những nhà máy đã có từ những năm 60s, 70s. Những nhà máy này thiết bị đã cũ, không đạt đủ công suất thiết kế, nhưng quan trọng hơn là tiêu hao quá lớn dẫn đến hiệu quả kinh tế không có, không thể cạnh tranh.
- Ngay cả các nhà máy mới đầu tư sau này thì một số nhà máy sử dụng công nghệ Đài Loan, Trung Quốc hay pha tạp nhiều nguồn gốc, và kể cả máy đã qua sử dụng dẫn đến chi phí sản xuất của các nhà máy này rất cao, không có khả năng hiện thực hóa lợi nhuận. Từ đó, các nhà máy này chỉ sản xuất cầm chừng theo thị trường, lúc tốt thì làm, lúc trung bình hay bình thường thì phải đóng cửa để khỏi lỗ.

Trong ngành thép, chi phí vận chuyển khá lớn tạo ra những thị trường cục bộ trên từng khu vực. Thực tế này cho thấy lượng cung đã vượt xa nhu cầu thép ở các tỉnh phía Bắc, riêng thị trường phía Nam, cung cầu thép cân đối nên mức độ cạnh tranh ít hơn.

Hiện nay, có ý kiến cho là thép xây dựng của Trung Quốc, chủ yếu là thép cuộn giá rẻ của Trung Quốc đang xâm nhập vào thị trường Việt Nam gây ảnh hưởng bất lợi tới các công ty sản xuất thép trong nước. Thực tế chính sách của Trung Quốc là tập trung vào giảm xuất khẩu các mặt hàng làm tiêu hao năng lượng và tài nguyên, do đó không tập trung vào thép Xây dựng và Phôi thép. Chính vì vậy Chính Phủ Trung Quốc đã nâng mức thuế xuất khẩu cho các mặt hàng này suốt trong những năm vừa qua, đến thời điểm hiện tại mức thuế suất cho các mặt hàng Công ty đang sản xuất là thép xây dựng và thép phôi lần lượt là 25% và 15%.

Các sản phẩm thép cuộn xuất hiện trên thị trường hiện nay chủ yếu là từ các nước Đông Nam Á như Malaysia, Indonesia, một số từ Trung Quốc, các thương vụ này mang yếu tố ngắn hạn. Vì thực chất cũng như Việt Nam, các nước Đông Nam Á không có lợi thế cạnh tranh về mỏ thép (tuy có quặng nhưng mỏ nhỏ, chủ yếu phải nhập khẩu quặng thép như nhau) đều phải nhập phế liệu để sản xuất phôi thép như vậy nhìn chung thép thành phẩm tại các nước Đông Nam Á không thể có lợi thế cạnh tranh. Việc xuất khẩu này của các nước Đông Nam Á



thường do yếu tố thị trường nội địa các nước vào từng thời điểm. Tuy nhiên do không có lợi thế cạnh tranh như đã nói trên thì ngay cả khi yếu tố thị trường thuận lợi, yếu tố vận chuyển xa cũng vẫn là một cản trở lớn trong việc xuất khẩu qua lại giữa các nước trong khu vực với nhau.

Để phát triển và đứng vững trên thị trường, đủ sức cạnh tranh với hàng ngoại nhập, Pomina đã giảm áp lực cạnh tranh này, nhờ vào các yếu tố:

- Công ty Thép Pomina ngay từ những năm đầu tiên thành lập đã lấy công nghệ tiên tiến làm chủ đạo, các dàn máy của Pomina đều bắt nguồn từ các nước Châu Âu:
 - Dàn máy cán 1 Pomina: của VAI-POMINI (Ý);
 - Dàn máy cán 2 Pomina: của Simac (Ý);
 - Trong tháng 12/2009, Pomina đã thực hiện việc phát hành cổ phiếu nhằm sở hữu 100%⁴ Công ty Cổ phần Thép Việt với công nghệ sản xuất như sau:
 - ✓ Nhà máy Thép Việt: do Techint (Ý) cung cấp.
 - ✓ Dàn máy cán 3 tại Nhà máy Thép Việt do Siemens-VAI (Đức – Ý) cung cấp.
 - Pomina đang tiếp tục gia tăng sức cạnh tranh bằng chất lượng từ công nghệ hiện đại. Năm 2009, Pomina đã ký hợp đồng xây dựng nhà máy luyện cán công suất 1 triệu tấn phôi và 0,5 triệu tấn cán năm của liên danh nhà thầu Tenova-Danielli, Concast (Ý) – Nhà Máy Luyện Phôi Thép, đây sẽ là nhà máy luyện với công nghệ tiên tiến nhất Châu Á hiện nay.
- Pomina còn nâng cao năng lực cạnh tranh dựa vào chi phí sản xuất thấp và đẩy mạnh hạ giá thành sản phẩm từ quy mô công suất tối ưu. Sau năm 2011, toàn Tập đoàn thép Pomina sẽ có công suất trên 3 triệu tấn, bao gồm: 1,5 triệu tấn luyện và 1,6 triệu tấn cán.
- Bên cạnh đó, trong suốt 10 năm qua Công ty cũng không ngừng đầu tư xây dựng và quảng bá thương hiệu POMINA thông qua nhiều kênh truyền thông đại chúng và thành công nhất là tài trợ chương trình “Ngôi nhà mơ ước” và “Câu chuyện Ước mơ” của Đài truyền hình TP.HCM. Đến nay, Pomina đã trở thành một thương hiệu thép có uy tín nhất tại Việt Nam. Với slogan “Cốt lõi của sự sống”, thép Pomina đã thật sự trở thành nền móng vững chắc của hầu hết những công trình lớn tại Việt Nam.

⁴ Đến ngày 02/03/2010, nhằm duy trì hình thức hoạt động là công ty cổ phần đối với Thép Việt để tiếp tục được hưởng các chính sách ưu đãi từ các tổ chức tín dụng, Pomina đã chuyển nhượng 0,5% cổ phần Thép Việt cho 02 cá nhân. Hiện tại, Pomina sở hữu 99,5% cổ phần của Thép Việt.



Hình 1: Logo chương trình “Ngôi nhà Mơ ước”



Hình 2: Logo chương trình “Câu chuyện Ước mơ”

- Thép Pomina là thương hiệu chất lượng hàng đầu tại thị trường Campuchia, là thương hiệu được lựa chọn cho tất cả công trình cao nhất thủ đô Phnompenh hiện thời.

3.4. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Do đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty có nguyên vật liệu chính là phế liệu và phôi thép (chiếm 90% giá thành sản phẩm) và phần lớn phải nhập khẩu từ nước ngoài, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào thị trường thép thế giới. Từ khi ký hợp đồng mở LC đến khi hàng về đến Công ty thường mất một khoảng thời gian là 2-3 tháng. Nếu trong thời gian này giá phôi thép trên thị trường thế giới liên tục biến động tăng giảm không theo chu kỳ thì sẽ gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Sớm nhận thức rủi ro này, Pomina đi theo chiến lược sản xuất gắn chặt với mạng lưới phân phối. Từ đợt khủng hoảng tài chính tiền tệ hiện nay cho thấy trong khi nhiều doanh nghiệp sản xuất thép phải chịu đựng gánh nặng hàng tồn kho không có đầu ra, riêng Pomina vẫn duy trì được sản xuất nhờ có sự hỗ trợ đầu ra của Công ty mẹ Thép Việt và đặc biệt từ các cổ đông là các cửa hàng đại lý.

3.5. Rủi ro liên quan đến khoản mục phế liệu tồn kho tại Công ty Cổ phần Thép Thép Việt không được kiểm toán xác nhận trong Báo cáo kiểm toán 2009

Trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán AFC-BDO có thể hiện ý kiến ngoại trừ như sau: “Do đặc thù của nguyên vật liệu chính (phế liệu) tồn kho



tại Công ty con – Công ty Cổ phần Thép Việt nên chúng tôi không thể tiến hành kiểm kê thực tế nguyên vật liệu chính (phế liệu) tồn kho vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và chúng tôi không thể tiến hành các thủ tục kiểm toán khác để kiểm chứng thực tế số liệu thể hiện trên bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của hàng tồn kho – nguyên vật liệu chính (phế liệu) với giá trị là 454.853.798.483 VND”.

Về việc này, Công ty Pomina cũng thống nhất ý kiến của Công ty kiểm toán do nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất phôi thép tại công ty con Thép Việt là phế liệu có số lượng tồn kho lớn, đặc điểm là không đồng nhất về kích thước, trọng lượng, hình dạng... nên không thể cân đong bằng biện pháp trực tiếp mất rất nhiều thời gian. Đây là một tồn tại cần có giải pháp khắc phục trong năm 2010. Vì thế, Công ty đã thảo luận cùng Công ty Kiểm toán AFC-BDO và thống nhất phương án kiểm kê tồn kho phế liệu vào cuối năm tài chính 2010.

(Phụ lục 1: Xác nhận của Công ty Kiểm toán AFC-BDO về tính khả thi của phương án kiểm kê tồn kho phế liệu)

4. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất v.v...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Đỗ Xuân Chiêu	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Đỗ Văn Khánh	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Trương Thành Phúc	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Hoài Khánh Linh	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Trường	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Trần Tô Tử	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông Nguyễn Hồng Nam	Chức vụ: Giám đốc điều hành
----------------------------	-----------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thép Pomina (Pomina). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thép Pomina cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

- Công ty: Công ty Cổ phần Thép Pomina – POMINA
- Pomina 1: Nhà máy Thép Pomina trực thuộc Công ty CP Thép Pomina, bao gồm 2 dàn máy cán thép công suất 600.000 tấn/năm.
- Thép Thép Việt: Công ty Cổ phần Thép Thép Việt thuộc sở hữu 99,5% của Công ty CP Thép Pomina, bao gồm 1 nhà máy luyện phôi công suất 500.000 tấn/năm và 1 dàn cán thép công suất 500.000 tấn/năm.

(Tháng 12/2009, được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Pomina đã phát hành riêng lẻ và hoán đổi cổ phiếu cho cổ đông Công ty Cổ phần Thép Thép Việt để sở hữu 100% Thép Thép Việt. Đợt phát hành này đã được thực hiện thành công 100% vào ngày 22/12/2009.

Đến ngày 02/03/2010, nhằm duy trì hình thức hoạt động là công ty cổ phần đối với Thép Thép Việt để tiếp tục được hưởng các chính sách ưu đãi từ các tổ chức tín dụng, Pomina đã chuyển nhượng 0,5% cổ phần Thép Thép Việt cho 02 cá nhân để đảm bảo quy định về số lượng cổ đông tối thiểu (03 cổ đông) của Công ty cổ phần. Hiện tại, Pomina sở hữu 99,5% cổ phần của Thép Thép Việt.)

- Nhà máy luyện phôi thép: Dự án Nhà máy luyện phôi thép trực thuộc Công ty Cổ phần Thép Pomina, hiện đang trong quá trình đầu tư, bao gồm nhà máy luyện phôi công suất 1.000.000 tấn/năm và 1 dàn cán thép công suất 500.000 tấn/năm.
- MTV: một thành viên
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- CP: Cổ phần
- TP.HCM: Thành phố Hồ Chí Minh
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- SXKD: Sản xuất kinh doanh
- TSCĐ: Tài sản cố định
- ATLĐ: An toàn lao động
- KCS: Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm/Bộ phận kiểm tra việc tuân thủ quy trình công nghệ, kỹ thuật và chất lượng sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp.
- JIS: Tiêu chuẩn Công nghiệp Nhật Bản (Japanese Industrial Standard).

Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản (JIS) là một trong những tiêu chuẩn được sử dụng rộng rãi ở Nhật. Tiêu chuẩn này dựa trên “Luật Tiêu chuẩn hoá công nghiệp” được ban hành vào tháng 6 năm 1949.

Hệ thống tiêu chuẩn JIS áp dụng đối với tất cả các sản phẩm công nghiệp và khoáng sản, trừ những sản phẩm được áp dụng các tiêu chuẩn chuyên ngành như dược phẩm, phân hoá học, sợi tơ tằm, thực phẩm và các sản phẩm nông nghiệp khác được quy định trong Luật Về tiêu chuẩn hoá và dán nhãn các nông lâm sản (viết tắt là JAS). Do đó khi kiểm tra các sản phẩm này chỉ cần kiểm tra dấu chất lượng tiêu chuẩn JIS là đủ để xác nhận chất lượng của chúng. (Nguồn: VCCI)



- ASTM: ASTM International - Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế Hoa kỳ (American Society for Testing and Materials)

Tiêu chuẩn ASTM được xây dựng với sự tham gia của 132 Ban soạn thảo tiêu chuẩn kỹ thuật. Đến nay, đã có hơn 9.100 tiêu chuẩn về chỉ tiêu kỹ thuật, thử nghiệm, quy phạm, hướng dẫn và định nghĩa liên quan đến vật liệu, sản phẩm, các hệ thống và dịch vụ.

ASTM International đã ban hành các tiêu chuẩn về các lĩnh vực như kim loại, sản phẩm từ hoad chất, dầu nhớt, nhiên liệu hóa thạch, dệt may, sơn, nhựa, cao su, đường ống, năng lượng, thiết bị y tế và nhiều lĩnh vực khác.

(Nguồn: Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng)

- Wirerod: Thép cuộn
- Rebar: Thép thanh
- D-Bar: Thép thanh vằn
- Round bar: Thép tròn trơn



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thép Pomina là một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sắt thép gang; tái chế phế liệu kim loại; kinh doanh các sản phẩm từ thép.

Ngày 17 tháng 07 năm 2008, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp giấy phép Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4603000570, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

- Tên giao dịch đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA
Tên giao dịch đối ngoại: POMINA STEEL CORPORATION
Tên giao dịch viết tắt: CÔNG TY THÉP POMINA
- Trụ sở giao dịch của Công ty:
 - Địa chỉ: Đường 27, KCN Sóng Thần II, Dĩ An, Bình Dương
 - Điện thoại: 0650 – 3710 051 - 3710052 Fax: 0650 – 3740 862
 - Email: pominasteel@hcm.vnn.vn Website: www.pomina-steel.com
 - Mã số thuế: 3700321364
 - Nơi mở tài khoản:

Bảng 3: Danh sách các Ngân hàng nơi Pomina mở tài khoản

Ngân hàng giao dịch	Địa chỉ	Loại tiền	Số tài khoản
Vietcombank Bình Dương	Đại lộ Bình Dương, Phú Hòa, TX Thủ Dầu Một, BD	VND	0281000006172
		USD	0281000006210
NH Đầu tư & Phát triển Việt Nam – CN TP.HCM	134 Nguyễn Công Trứ, Q.1, TP.HCM	VND	31010000005697
		USD	31081370058327
NH Công thương – SGD II	79 Hàm Nghi, Q.1, TP.HCM	VND	102010000472287
		USD	102020000051403
NH Nông nghiệp & PTNT Việt Nam	50 Bến chương Dương, Q.1, TP.HCM	VND	170031100300855
		USD	170032137000293
NH ANZ TP.HCM	11 Công trường Mê Linh, Q.1, TP.HCM	VND	4047671
		USD	4047679

- Vốn điều lệ:
 - Vốn điều lệ hiện tại (thực góp): **1.630.000.000.000 đồng** (Một ngàn sáu trăm ba mươi tỷ đồng).



- Quá trình thay đổi vốn điều lệ:

Bảng 4: *Quá trình thay đổi vốn điều lệ từ khi thành Công ty cổ phần*

Thời gian	Vốn điều lệ (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)	Phương thức
01/2008	143.298.744.652	-	Vốn điều lệ Công ty TNHH thời điểm đầu năm 2008
07/2008	500.000.000.000	356.701.255.348	Ngày 07/07/2008, Pomina chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và tăng vốn điều lệ do các cổ đông góp bằng tiền và định giá lại tài sản cố định. Trong đó: - Tăng vốn góp bằng tiền: 74.338.309.839 đồng - Tăng vốn góp do đánh giá lại tài sản: 282.362.945.509 đồng.
07/2009	820.000.000.000	320.000.000.000	Phát hành riêng lẻ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 3/HĐQT/09014 ngày 05/05/2009. - Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 03 cổ đông - Số lượng nhà đầu tư chào bán: 02 nhà đầu tư (Phụ lục 2: Danh sách nhà đầu tư riêng lẻ đợt phát hành tháng 07/2009) - Khối lượng cổ phần phát hành: 32.000.000 cổ phần - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần - Đối tượng phát hành: Nhà đầu tư lớn - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Thời gian thực hiện: tháng 07/2009 - Vốn điều lệ sau khi phát hành: 820.000.000.000 đồng - Cơ quan chấp thuận phát hành: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương. - Đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 820 tỷ đồng Công ty thực hiện phát hành riêng lẻ với số lượng nhà đầu tư dưới 100 người, không thuộc diện phát hành ra công chúng nên không đăng ký hồ sơ phát hành với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
12/2009	1.620.000.000.000	800.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông Thép Thép Việt (Đối tượng 1) để sở hữu 100% Thép Thép Việt;



Thời gian	Vốn điều lệ (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)	Phương thức
			phương thức thực hiện: phát hành cổ phiếu Pomina để hoán đổi cổ phiếu Thép Thép Việt: 800 tỷ đồng <i>(Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường lần III năm 2009 số 3/09004/NQ-ĐHCD2009)</i> - Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 298 cổ đông - Số lượng cổ đông hiện hữu Thép Thép Việt hoán đổi cổ phần: 75 cổ đông <i>(Phụ lục 3: Danh sách cổ đông Thép Thép Việt hoán đổi cổ phiếu đợt phát hành tháng 12/2009)</i> - Khối lượng cổ phần phát hành: 80.000.000 cổ phiếu (Tám mươi triệu cổ phiếu) - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần - Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Thép Thép Việt. - Phương thức thực hiện: Dùng cổ phiếu Pomina hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu TTV của cổ đông hiện hữu TTV theo tỷ lệ được xác định. - Mục đích phát hành: nhằm sở hữu 100% Công ty Cổ phần Thép Thép Việt - Tỷ lệ hoán đổi: 1 : 1 Tỷ lệ này có nghĩa là tại thời điểm chốt danh sách cổ đông TTV để hoán đổi cổ phiếu TTV sang cổ phiếu Pomina, mỗi cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu TTV sẽ nhận được tương ứng 01 (một) cổ phiếu Pomina. - Thời gian thực hiện: tháng 12/2009 - Vốn điều lệ sau khi phát hành: 1.620.000.000.000 đồng - Cơ quan xét duyệt hồ sơ phát hành: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
01/2010	1.630.000.000.000	10.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư tổ chức (Đối tượng 2): 10 tỷ đồng <i>(Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường lần III năm 2009 số 3/09004/NQ-ĐHCD2009)</i> - Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 298 cổ đông - Số lượng nhà đầu tư mua cổ phần: 1 nhà



Thời gian	Vốn điều lệ (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)	Phương thức
			đầu tư (Phụ lục 4: Danh sách nhà đầu tư tổ chức đợt phát hành riêng lẻ tháng 01/2010) - Khối lượng cổ phần phát hành: 1.000.000 cổ phiếu (Một triệu cổ phiếu) - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần - Đối tượng phát hành: Nhà đầu tư tổ chức - Phương thức thực hiện: Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư tổ chức. - Phương án sử dụng tiền từ đợt phát hành: bổ sung vốn lưu động - Giá phát hành: 45.000 đồng/cổ phần - Thời gian thực hiện: tháng 12/2009, cùng thời gian phát hành của Đối tượng 1. - Vốn điều lệ sau khi phát hành: 1.630.000.000.000 đồng - Cơ quan xét duyệt hồ sơ phát hành: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Ngành nghề kinh doanh:
 - Sản xuất sắt thép gang
 - Tái chế phế liệu kim loại
 - Kinh doanh các sản phẩm từ thép.
- Các sản phẩm, dịch vụ chính:
 - Thép xây dựng các loại
 - Phôi thép.

- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Được thành lập vào ngày 17/08/1999 với vốn điều lệ là 42 tỷ đồng, Công ty TNHH Thép Pomina không ngừng nỗ lực củng cố và phát triển để trở thành một công ty sản xuất cung ứng thép xây dựng hàng đầu tại Việt Nam, hướng đến việc hoàn thiện dịch vụ, tăng khả năng cạnh tranh nhằm thỏa mãn cao nhất yêu cầu của khách hàng.

Tiền thân của Công ty TNHH Thép Pomina là Nhà máy Thép Pomina 1 do Công ty TNHH Thép Việt đầu tư xây dựng.



Nhà máy Thép Pomina 1

Năm 1999, trong bối cảnh quá trình công nghiệp hóa đang diễn ra với tốc độ nhanh, hàng loạt các công trình xây dựng đòi hỏi một sản phẩm thép chất lượng cao đảm bảo cho sự bền vững cho các công trình mang tầm vóc thời đại, đứng trước yêu cầu cấp bách đó, Hội đồng Quản trị Công ty TNHH Thép Việt đã quyết định đầu tư xây dựng Nhà máy Thép Pomina 1 với công suất 300.000 tấn/năm và đưa vào sản xuất đầu năm 2002. Tổng số vốn đầu tư: 525 tỷ đồng. Máy móc thiết bị được sản xuất bởi Công ty VAI-Pomini (Ý).

Nhà máy có khả năng sản xuất tất cả các chủng loại thép xây dựng theo các tiêu chuẩn của Nhật Bản, Mỹ, Châu Âu, Nga, ... và do đó ngay lập tức Nhà máy Pomina đã chiếm lĩnh thị phần lớn trong phân khúc các công trình trọng điểm của đất nước nhờ vào độ tin cậy về chất lượng.

Thêm vào đó, đội ngũ CBCNV trẻ năng động đã được đưa đi đào tạo tại Ý và chuyên gia Ý thực hiện đào tạo tiếp tục tại Việt Nam cũng đã phát huy năng lực trong vận hành sản xuất.

Hệ thống phân phối của Công ty trải dài từ Bắc vào Nam do Công ty TNHH Thép Việt quản lý đã nhanh chóng đưa Thép Pomina là một trong những địa chỉ quen thuộc nhất của ngành thép ngay từ năm đầu tiên sản xuất.

Từ những yếu tố trên, ngay trong năm đầu tiên nhà máy đã có lãi và đạt công suất thiết kế vào năm thứ 2 của dự án.

Xây dựng dàn cán Thép 2 trực thuộc Nhà máy Pomina 1

Đáp ứng nhu cầu thị trường, Nhà máy 1 liên tục chạy hết công suất, trước tín hiệu khả quan đó, dàn cán thép 2 tiếp tục được bắt đầu xây dựng vào năm 2003 và bắt đầu đi vào sản xuất vào năm 2005, với công suất 300.000 tấn/năm, nâng tổng công suất lên 600.000 tấn/năm, với tổng vốn đầu tư 2 dàn cán là 68 triệu USD (tương đương 1.100 tỷ đồng).

Nhà máy được cung cấp bởi Công ty SIMAC (Ý), và có thể sản xuất tất cả các tiêu chuẩn và chủng loại thép xây dựng từ D14 trở lên, ngoài ra, dàn cán thép 2 còn sản xuất thép hình các loại như U, I, V, H.

Đến năm 2006, dàn cán thép 2 đã đạt 100% công suất thiết kế.

Công ty Cổ phần Thép Pomina

Đến ngày 17/07/2008, công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thép Pomina với số vốn điều lệ là 500 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Thép Pomina tăng vốn điều lệ lên 820 tỷ đồng vào tháng 7/2009 bằng việc phát hành riêng lẻ.

Tháng 7/2009 Công ty Cổ phần Thép Pomina chính thức thành lập Nhà máy luyện phôi thép, trên khu đất 46 hecta, tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, tổng vốn đầu tư 1.379 tỷ đồng, (trong đó vốn chủ sở hữu 495 tỷ, đã góp 320 tỷ đồng - vốn vay 884 tỷ đồng), với công suất của dự án là: luyện 1 triệu tấn phôi và cán 0,5 triệu tấn thép xây dựng. Dự án sẽ bắt đầu đi vào sản xuất vào cuối năm 2011.

Ngày 31/08/2009, Công ty Cổ phần Thép Pomina đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận về việc đăng ký trở thành Công ty đại chúng.

Trong tháng 12/2009, được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Cổ phần Thép Pomina phát hành riêng lẻ cho (1) các cổ đông Công ty Cổ phần Thép Việt



nhằm sở hữu 100%⁵ Thép Thép Việt với quy mô 0,5 triệu tấn phôi luyện và 0,5 triệu tấn thép cán; và (2) các nhà đầu tư tổ chức; nâng vốn điều lệ lên 1.630 tỷ đồng (một ngàn sáu trăm ba mươi tỷ đồng).

Tính đến thời điểm này, Pomina là nhà máy thép lớn nhất Việt Nam với tổng công suất của Pomina là:

- Công suất luyện phôi thép: 1,5 triệu tấn
- Công suất cán thép xây dựng: 1,6 triệu tấn
- Các thành tựu đạt được:
 - Top 50 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam năm 2008;
 - Xếp hạng 04 các doanh nghiệp tư nhân hàng đầu Việt Nam năm 2008;
 - Giải thưởng Sao vàng Đất Việt 2008 (Top 200 Brands of Vietnam);
 - Giải thưởng Sao vàng Đông Nam Bộ năm 2008;
 - Chứng chỉ ISO 9001 : 2000, ISO 14001 : 2004;
 - Bằng khen của Ủy ban Quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế ngày 01/09/2008 vì đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng, phát triển thương hiệu và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế;
 - Bằng khen của Bộ Thương mại cấp ngày 05/09/2006 vì đã có thành tích xuất khẩu năm 2005;
 - Bằng khen của Cục Hải quan Bình Dương cấp ngày 13/01/2006 vì đã chấp hành xuất sắc Luật hải quan và Luật thuế xuất nhập khẩu;
 - Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ngày 26/12/2005 vì đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bình Dương;
 - Bằng khen của Bộ Thương mại cấp ngày 31/08/2005 vì đã có thành tích xuất khẩu năm 2004;
 - Bằng khen của Bộ Tài chính cấp ngày 30/05/2006 vì đã có thành tích hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế hàng hóa xuất nhập khẩu năm 2005;
 - Giải Cầu vàng – Chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn của Bộ công nghiệp cấp ngày 13/09/2004;
 - Huy chương vàng chất lượng sản phẩm (VietBuild 2004);
 - Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/12/2003 vì đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bình Dương.

⁵ Đến ngày 02/03/2010, nhằm duy trì hình thức hoạt động là công ty cổ phần đối với Thép Thép Việt để tiếp tục được hưởng các chính sách ưu đãi từ các tổ chức tín dụng, Pomina đã chuyển nhượng 0,5% cổ phần Thép Thép Việt cho 02 cá nhân. Hiện tại, Pomina sở hữu 99,5% cổ phần của Thép Thép Việt.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

- Cơ cấu tổ chức Công ty hiện nay bao gồm:



Hình 3: Sơ đồ tổ chức Công ty

- Trụ sở Công ty tại Đường số 27, KCN Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Nhà máy Pomina 1 nằm tại trụ sở Công ty bao gồm 02 dàn cán thép:
 - ✓ Dàn cán thép 1: Công suất 300.000 tấn/năm và đưa vào sản xuất đầu năm 2002. Máy móc thiết bị được sản xuất bởi Công ty VAI-Pomini (Ý).
 - ✓ Dàn cán thép 2: Công suất 300.000 tấn/năm và đưa vào sản xuất vào năm 2005. Máy móc thiết bị được sản xuất bởi Công ty SIMAC (Ý).
- Công ty Cổ phần Thép Thép Việt tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, bao gồm:
 - ✓ Nhà máy luyện Thép Thép Việt: do Techint (Ý) cung cấp, công suất 500.000 tấn/năm, đưa vào sản xuất 08/2007.
 - ✓ Dàn máy cán 3 tại Nhà máy Thép Thép Việt do Siemens-VAI (Đức – Ý), công suất 500.000 tấn/năm, đưa vào sản xuất 07/2009.
- Nhà máy luyện phôi thép: được thành lập trên khu đất 46 hecta, tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Tổng vốn đầu tư 1.379 tỷ đồng, với công suất của dự án là: luyện 1 triệu tấn phôi và cán 0,5 triệu tấn thép xây dựng. Dự án sẽ bắt đầu đi vào sản xuất vào cuối năm 2011.



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Tại Pomina, các doanh nghiệp hạch toán độc lập, có Ban Tổng Giám đốc và Ban điều hành doanh nghiệp riêng biệt.

Sơ đồ tổ chức của các doanh nghiệp trong nhóm như sau:

Đại hội đồng cổ đông

- ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty Cổ phần Thép Pomina. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ SXKD và đầu tư; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát; và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ.

Hội đồng quản trị

- HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ quyết định), hoạch định mục tiêu chiến lược phát triển cho toàn Công ty.

Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

Ban Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc công ty là người phụ trách chung, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng Quản trị công ty về mọi hoạt động của Công ty.

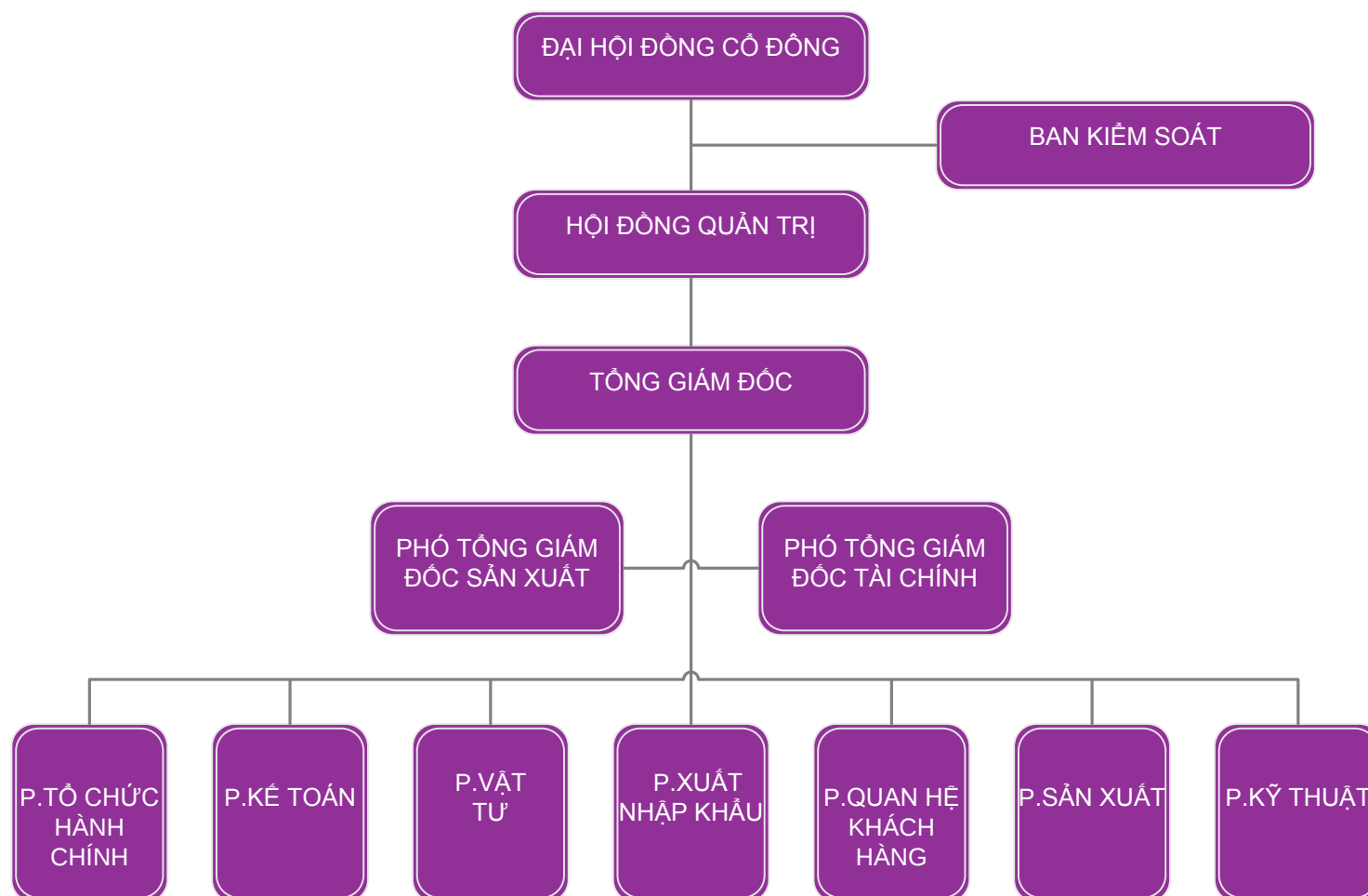
Tổng Giám đốc công ty lãnh đạo toàn diện và có thẩm quyền cao nhất quyết định các phương thức, biện pháp, tổ chức điều hành và quản lý đối với mọi hoạt động của Công ty theo điều lệ, các quy chế và nghị quyết của HĐQT công ty.

- Các Phó Tổng Giám đốc công ty:

Phó Tổng Giám đốc công ty là người cộng sự và giúp việc Tổng Giám đốc công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các lĩnh vực do Tổng Giám đốc phân công phụ trách. Việc phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng Giám đốc được thể hiện trong văn bản phân công phù hợp với tình hình cụ thể của từng thời kỳ.

Các phòng nghiệp vụ

Các phòng ban nghiệp vụ: gồm 7 phòng nghiệp vụ được phân định theo chức năng nghiệp vụ chuyên môn bao gồm: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kế toán, Phòng Vật tư, Phòng Xuất nhập khẩu, Phòng Quan hệ khách hàng, Phòng Sản xuất, Phòng Kỹ thuật.



Hình 4: Sơ đồ quản lý Công ty



4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

4.1. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 08/03/2010 như sau:

Bảng 5: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 08/03/2010

Tên cổ đông	Địa chỉ	CMND/GĐKKD	Số lượng (Mệnh giá: 10.000 đồng/CP)	Trị giá (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
Cty TNHH TM-SX Thép Việt	269 Lý Thường Kiệt, P.13, Q.11	047878 do Sở KH&ĐT Tp.HCM cấp lần thứ 21 ngày 21/08/2007	98.165.000 (số cổ phần của cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập Công ty cổ phần là 48.500.000 cổ phần)	981.650	60,22
Ông Đỗ Văn Phúc	Số 9, Đường số 2, CX Lữ Gia, P.15, Q.11	021328455 do CA-TP.HCM cấp ngày 08/04/2002	1.960.000 (số cổ phần của cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập Công ty cổ phần là 1.000.000 cổ phần)	19.600	1,20
Bà Đỗ Thị Kim Ngọc	Số 30, Đường số 2, CX Lữ Gia, P.15, Q.11	020985307 do CA-TP.HCM cấp ngày 30/12/2002	7.590.100 (số cổ phần của cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập Công ty cổ phần là 500.000 cổ phần)	75.901	4,66
Tổng cộng			107.715.100	1.077.151	66,08

Ghi chú:

Tại Khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp (có hiệu lực từ 01/07/2006) quy định, trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Công ty Cổ phần Thép Pomina chính thức chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần vào ngày 17 tháng 07 năm 2008 do vậy điều kiện chuyển nhượng áp dụng với cổ đông sáng lập có hiệu lực đến hết ngày 17 tháng 07 năm 2011.



4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 08/03/2010

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 08/03/2010 như sau:

Bảng 6: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên tại thời điểm 08/03/2010

Tên cổ đông	Địa chỉ	CMND/GĐKKD	Số lượng (Mệnh giá: 10.000 đồng/CP)	Trị giá (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
Cty TNHH TM-SX Thép Việt	269 Lý Thường Kiệt, P13, Q.11	047878 do Sở KH&ĐT Tp.HCM cấp lần thứ 21 ngày 21/08/2007	98.165.000	981.650	60,22
Tổng cộng			98.165.000	981.650	60,22

4.3. Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 08/03/2010

Bảng 7: Cơ cấu vốn điều lệ thời điểm 08/03/2010

TT	Danh mục	Giá trị (triệu đồng)	%	Số lượng cổ đồng	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông bên trong	1.236.061,1	75,83	10	1	9
	- Cổ đông sáng lập	1.077.151	66,08	3	1	2
	- Hội đồng quản trị	106.101,4	6,51	4	0	4
	- Ban Tổng Giám đốc	18.940,1	1,16	1	0	1
	- Ban kiểm soát	25	0,002	1	0	1
	- Kế toán trưởng	0	0	0	0	0
	- Cán bộ công nhân viên	33.843,6	2,08	1	0	1
	- Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
3	Cổ đông bên ngoài	393.938,9	24,17	354	19	335
	- Trong nước	289.634,1	17,77	346	17	329
	- Nước ngoài	104.304,8	6,40	8	2	6
Tổng cộng		1.630.000	100	364	20	344



5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1. Công ty mẹ - Công ty TNHH Thương mại – Sản xuất Thép Việt

- Địa chỉ: 289 Lý Thường Kiệt, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 38 655 311 - Fax: (08) 38 650 231
- Thời điểm thành lập: 12/01/1993
- Ngành nghề kinh doanh: Mua, bán buôn, bán lẻ vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; đại lý ký gởi, ủy thác, thu mua; sản xuất thép; môi giới bất động sản; kinh doanh nhà; dịch vụ nhà đất.

5.2. Công ty con - Công ty Cổ phần Thép Thép Việt

- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Điện thoại: (064) 3922 521 Fax: (064) 3922 446
- Thời điểm thành lập: 06/04/2007
- Vốn điều lệ: 800.000.000.000 đồng (Tám trăm tỷ đồng)
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất các sản phẩm từ thép; kinh doanh các sản phẩm từ thép; khai thác, kinh doanh cảng biển; đầu tư khai thác các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật.
- Tỷ lệ sở hữu: Pomina sở hữu 99,5%.



6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng và giá trị sản phẩm

Chủng loại và sản lượng sản phẩm

Hạng mục sản phẩm:

- Thép thanh: có các loại từ D10 – D40 theo 2 tiêu chuẩn JIS G3112, ASTM A615/A615 M.
- Thép dây: sản xuất các loại phi 6, 8, 10 theo tiêu chuẩn JIS G 3505.

Các sản phẩm đạt chứng nhận QUACERT VN, ISO 9001-2000, ISO 14001-2004

Nhãn hiệu thương mại: POMINA

Logo:



Pomina
POMINA STEEL MILL

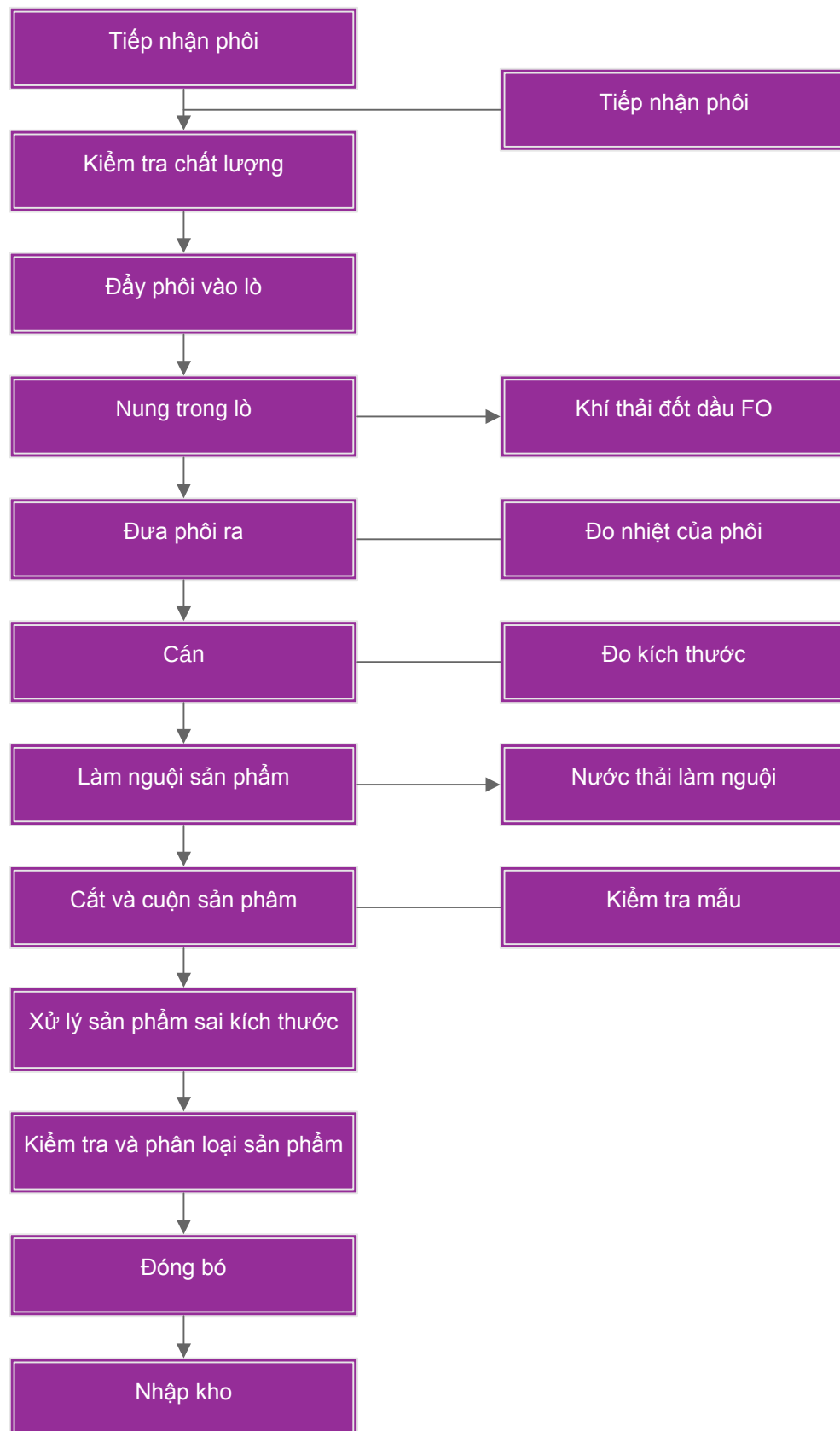


Hình 5: Logo Pomina

Sản phẩm của Cty: Sản phẩm thép chất lượng cao như thép cuộn, thép trơn và đặc biệt là thép thanh vân với các mac thép: SD390, SD490, Gr60 có đóng hình quả táo nổi, logo của Cty và dấu nổi mac thép trên từng mét sản phẩm.

Bên cạnh đó, công ty còn đa dạng hóa sản phẩm với các loại thép hình: thép góc, thép dẹt, thép U, I, V, ... Tất cả sản phẩm của Công ty luôn đạt tiêu chuẩn của Nhật Bản (JIS), Hoa Kỳ (ASTM), Việt Nam (TCVN) về giới hạn chảy, giới hạn đứt, độ dẫn dài, khả năng uốn. Hiện nay, Các nhà máy của Công ty hoạt động tối đa công suất, sản phẩm sản xuất ra hầu như được tiêu thụ hết.

Quy trình sản xuất thép:



Hình 6: Quy trình sản xuất thép



Sản lượng và giá trị từng loại sản phẩm qua các năm

Bảng 8: Sản lượng thép 2007 – 2009 chi tiết theo dòng sản phẩm

Đơn vị tính: tấn

Khoản mục	2007	2008	2009
Thép thanh	535.952,06	441.361,09	449.354,53
Thép cuộn	114.408,92	83.598,06	88.796,69
Thép hình	4.859,10	58,30	-
Cộng	655.220,08	525.017,45	538.151,22

(Nguồn: Pomina)

Bảng 9: Doanh thu thuần 2007 – 2009 chi tiết theo dòng sản phẩm

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	2007	2008	2009
Thép thanh	4.934.147	5.978.099	6.485.270
Thép cuộn	1.046.004	1.063.276	905.701
Thép hình	40.262	792	- (*)
Phế phẩm (thành phẩm)	128.567	187.502	144.589
Phế phẩm (nguyên liệu Billet)			3.774
Cộng	6.148.982	7.229.670	7.539.334

(Nguồn: Pomina)

(*) Từ năm 2009, Ban Tổng Giám đốc quyết định ngưng sản xuất sản phẩm này.

Cơ cấu lợi nhuận gộp

Bảng 10: Lợi nhuận gộp 2007 – 2009 chi tiết theo dòng sản phẩm

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	2007	2008	2009
Thép thanh	72.633	575.167	1.258.186
Thép cuộn	35.872	182.548	157.202
Thép hình	1.936	385	-
Phế phẩm (thành phẩm)	-	-	-
Phế phẩm (nguyên liệu Billet)	-	-	(661)
Cộng	110.441	758.100	1.414.727

(Nguồn: Pomina)



6.2. Nguyên vật liệu

(a) Nguồn nguyên vật liệu

Bảng 11: Sản lượng nguyên vật liệu chính 2007 – 2009

Loại Nguyên Vật Liệu	2007 (tấn)	2008 (tấn)	2009 (tấn)
Phế liệu	111.433	327.45	878.165
Pig Iron	2.171	19.623	58.761
Tổng khối lượng Phế - TTV	113.604	347.073	936.926
Phôi thép CT2	10.032	2.576	27.447
Phôi thép CT3	84.787	55.376	93.092
Phôi thép CT5	451.971	76.636	299.273
Phôi Gr60	-	299.502	377.456
Tổng khối lượng Phôi	546.79	434.091	797.269
Tổng	660.394	781.164	1.734.195

(Nguồn: Pomina)

Bảng 12: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Pomina

STT	Nhà Cung Cấp
1	SIMS Group
2	Smogon
3	Cargill
4	Stemcor
5	Tube City
6	Shisho
7	Reeferway Ltd
8	Stemcor
9	Cargill
10	Novo Steel
11	Daewoo Corporation
12	Corus
13	Công ty Cổ phần Thép Việt

(b) Sự ổn định của các nguồn cung cấp

- Nguyên liệu chính để sản xuất của Công ty là thép phế liệu và phôi thép (thép thô), chủ yếu xuất xứ từ các nước Âu, Mỹ, Nga và Ukraina, được nhập thông qua các Công ty phân phối trực tiếp từ các nguồn trên.
- Hiện nay, nhà máy luyện phôi 500.000 tấn/năm của Công ty Cổ phần Thép Việt đã đi vào hoạt động (từ tháng 10/2007) đã hỗ trợ rất nhiều cho Công ty trong việc chủ động nguồn nguyên liệu sản xuất, tạo lợi thế cạnh tranh.

(c) Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

- Do đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty có nguyên vật liệu chính là phế liệu và phôi thép (chiếm 90% giá thành sản phẩm) và phần lớn phải nhập khẩu từ nước ngoài, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào thị trường thép thế giới. Từ khi ký hợp đồng mở LC đến khi hàng về đến Công ty thường mất một khoảng thời gian là 2-3 tháng. Nếu trong thời gian này giá phôi thép trên thị trường thế giới liên tục biến động tăng giảm không theo chu kỳ thì sẽ gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Sớm nhận thức rủi ro này, Pomina đi theo chiến lược sản xuất gắn chặt với mạng lưới phân phối.

Hơn nữa, bên cạnh nhà máy luyện phôi thép công suất 500.000 tấn/năm của Thép Việt đã nêu trên (mục 6.2.b), Pomina hiện đang trong quá trình đầu tư nhà máy luyện phôi công suất 1.000.000 tấn/năm nhằm đáp ứng tối đa (100%) nhu cầu nguyên liệu đầu vào cho việc cán thép xây dựng, hạn chế việc phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài, và từ đó giảm thiểu rủi ro về biến động giá phôi thép trên thị trường thế giới.

6.3. Chi phí sản xuất

Bảng 13: Tỷ trọng chi phí sản xuất (Giá vốn hàng bán) trên trên doanh thu 2007 – 2009

Đơn vị tính: triệu đồng

	2007	2008	2009
Doanh thu thuần	6.148.982	7.229.670	7.539.334
Chi phí sx (GVHB)	6.038.540	6.471.571	6.124.608
Tỷ trọng	0,98	0,89	0,81
Ghi chú	Mức bình quân ngành	Tỷ trọng thấp, dẫn đến khả năng cạnh tranh cao	Tỷ trọng thấp, dẫn đến khả năng cạnh tranh cao

(Nguồn: Pomina)

Tỷ trọng chi phí sản xuất trên doanh thu thuần giảm qua các năm, cụ thể năm 2007: 0,98; năm 2008: 0,89 và năm 2009: 0,85. Nguyên nhân do những năm về sau tay nghề của công nhân vận hành sản xuất đã thành thạo, tiêu hao sản xuất thấp. Bên cạnh đó, với thời gian khấu hao của máy móc thiết bị từ 06 – 07 năm, dàn cán thép của nhà máy I được đầu tư từ năm 2002 đã khấu hao hết đã làm giảm đi chi phí sản xuất.

Bảng 14: Tỷ trọng chi phí trên doanh thu thuần 2007 – 2009

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Yếu tố chi phí	2007 ¹	2008	2009
1	Giá vốn hàng bán	6.038.541	6.471.571	6.124.608
	%/Doanh thu thuần	98,2	89,5	81,24
2	Chi phí tài chính	77.189	264.221	609.712 (*)
	%/Doanh thu thuần	1,26	3,65	8,09
3	Chi phí bán hàng	9.643	13.078	19.631
	%/Doanh thu thuần	0,16	0,18	0,26
4	Chi phí QLDN	7.245	8.066	32.120 (**)
	%/Doanh thu thuần	0,12	0,11	0,43
5	Chi phí khác	-	14.332	46.362
	%/Doanh thu thuần	-	0,20	0,61
	Tổng cộng chi phí	6.132.618	6.771.268	6.832.433
	%/Doanh thu thuần	99,73	93,66	90,62

(Nguồn: Pomina)

(*) Chi phí tài chính năm 2009 tăng cao so với 2008 nguyên nhân chủ yếu do lỗ chênh lệch tỷ giá.

(**) Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2009 tăng cao so với 2008 nguyên nhân chủ yếu do chi phí phát sinh liên quan dự án mới đang đầu tư.

6.4. Trình độ công nghệ

Pomina có 1 Công ty con và 2 Nhà máy trực thuộc Pomina, bao gồm 5 dây chuyền sản xuất, trong đó có 3 dây chuyền cán thép và 2 dàn máy luyện thép. Tất cả các dây chuyền công nghệ của Pomina được thiết kế, sản xuất tại các nước Châu Âu, được các chuyên gia nước ngoài hướng dẫn lắp đặt và vận hành. Các dây chuyền này được thiết kế theo công nghệ mới nhất và tiên tiến nhất trong ngành thép và là công nghệ đứng đầu khu vực Đông Nam Á.

Nhà máy Pomina 1 – Công ty Cổ phần Thép Pomina:

❖ Dàn cán thép 1:

Thiết kế và sản xuất: Vai-Pomini (Ý), Lò lắp đặt sẵn của Bendotti (Ý), Cầu trục từ 9 bộ do Koncrane & Demag cung cấp.



Hình 7: Lò luyện Forni Industriali Bendotti



Hình 8: Dàn cán VAI-POMINI



Hình 9: Dây chuyền cán thép cuộn của VAI-POMINI



Hình 10: Sàn nguội và Máy bó thép cuộn VAI-POMINI



Hình 11: Laying head, máy rải thép cuộn VAI-POMINI

❖ **Dàn máy cán thép 2:**

Cung cấp hoàn toàn bởi Simac (Ý), Lò nung theo công nghệ lò đẩy của Forni Industriali Bendotti 12M, 9 Cầu trục do Demag sản xuất.



Hình 12: Lò nung theo công nghệ lò đẩy của Forni Industriali Bendotti 12M



Hình 13: Dây chuyền cán SIMAC (Ý) 300.000 Tấn/ năm



Hình 14: Sàn làm nguội SIMAC



Hình 15: Dàn xếp thép hình và thanh (STACKER) của SIMAC



Hình 16: Kho thành phẩm, Cầu trục Demag (Đức)

Công ty Cổ phần Thép Việt:

- Xưởng luyện thép công suất 0,5 triệu tấn năm, toàn bộ thiết bị được thiết kế và sản xuất bởi Techint (Ý).
- Xưởng cán thép xây dựng 0,5 triệu tấn do Siemens VAI cung cấp



Hình 17: Cột trực bãi liệu



Hình 18: Khu vực Consteel và Scrap yard



Hình 19: Khu vực lò EAF



Hình 20: Khu vực lò LF



Hình 21: Khu vực Laddle Turret



Hình 22: Khu vực phòng điện



Hình 23: Khu vực xử lý bụi



Hình 24: Khu vực xử lý nước



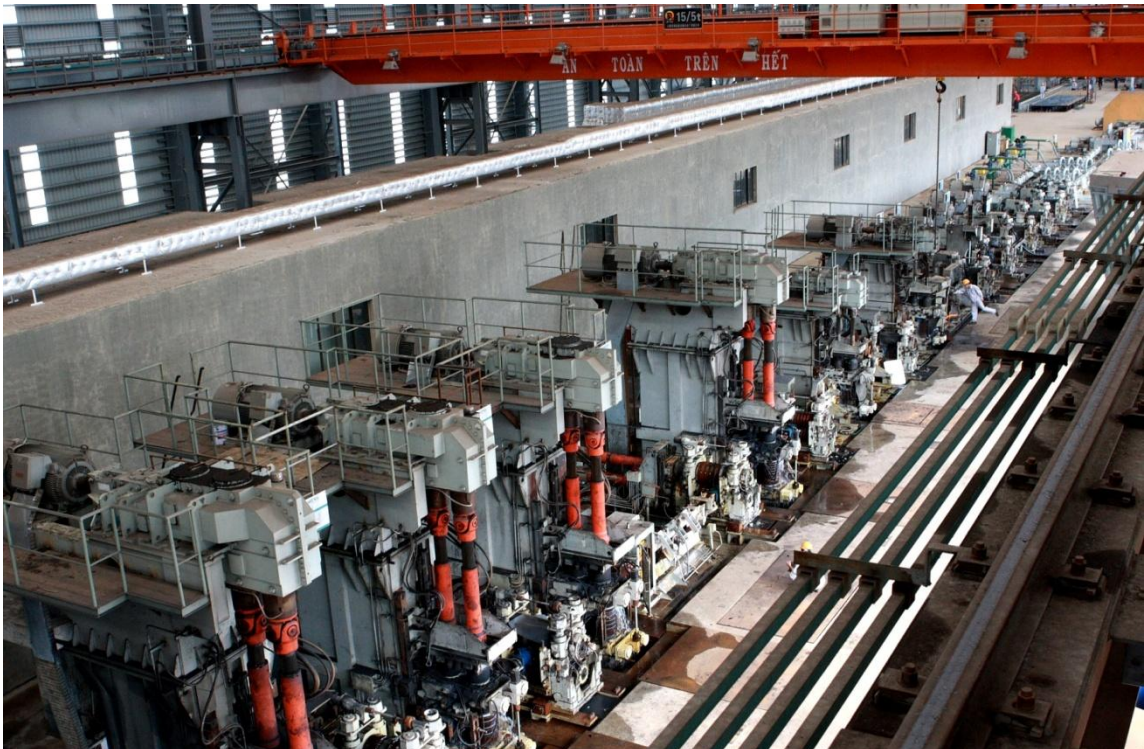
Hình 25: Nhà máy sản xuất Oxy



Hình 26: Trạm điện



Hình 27: Lò BUỐC 12M hiện đại của Forni Industriali Bendotti



Hình 28: Dàn cán 19 giá cán của SIEMENS VAI



Hình 29: Phòng điều khiển tự động



Hình 30: Kho thành phẩm



Hình 31: Roll shop với các máy CNC chuẩn bị trực cán

Dự án Nhà máy luyện phôi thép:

(a) Giới thiệu dự án

- Địa điểm: Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu (KCN nặng)
- Khu đất: khu đất xây dựng nhà máy có tổng diện tích 46 ha, nằm ngay trục lộ đường số 17, cách Nhà máy Điện Phú Mỹ khoảng 1.500m.
- Tổng vốn (cố định) đầu tư: 1.379 tỷ đồng
- Tổng công suất thiết kế: 1.000.000 tấn/năm

(b) Phân tích hiệu quả của dự án

- Nhu cầu vốn đầu tư:

Bảng 15: Nhu cầu vốn đầu tư (cố định)

STT	HẠNG MỤC	Giá trị (đồng)
Nhu cầu Vốn cố định		1.379.000.000.000
<i>Nguồn</i>		
1	Vốn chủ sở hữu (36%)	495.000.000.000
2	Vốn vay ngân hàng (64%)	884.000.000.000

(Nguồn: Pomina)



Bảng 16: Nhu cầu vốn đầu tư (lưu động)

STT	Hạng mục	Năm 2012	Năm 2013	Từ năm 2014 trở đi
1	Sản lượng (tấn)	540.000	800.000	1.000.000
2	Doanh thu (đồng)	5.036.709.600.000	7.461.792.000	9.327.240.000
3	Vốn lưu động	555.521.965.000	822.995.504.000	1.028.744.380

(Nguồn: Pomina)

- Hiệu quả dự án:

Bảng 17: Hiệu quả dự án

Chỉ tiêu	Giá trị
Công suất thiết kế, trong đó:	1.000.000 tấn
- Năm 1 đạt 54%:	540.000 tấn
- Năm 2 đạt 80%	800.000 tấn
- Năm 3 đạt 100%	1.000.000 tấn
Lợi nhuận/vốn tự có (năm 3)	35,66%
Hòa vốn tự có	2 năm
Hòa vốn cố định	4 năm
Tỷ lệ hoàn vốn nội tại (IRR) (% , 10 năm)	31,0%
Hiện giá thuần dự án (NPV, 10 năm)	1.834.284.620.000 đồng

(Nguồn: Pomina)

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm

Mục tiêu trong năm 2009 tới 2010, Pomina tập trung đưa dây chuyền luyện và cán thép tại Công ty Cổ phần Thép Việt đạt 100% công suất thiết kế là 0,5 triệu tấn luyện và 0,5 triệu tấn cán/năm.

Song song đó Công ty Thép Pomina sẽ tiếp tục các bước tiếp theo sau khi đã ký hợp đồng thiết bị chính cho dự án 1 triệu tấn luyện và 0,5 triệu tấn cán thép xây dựng cho Nhà máy luyện phôi thép như: chuẩn bị xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị phụ trợ, lắp máy, đào tạo để cuối năm 2011 đưa Nhà máy thép luyện phôi thép vào vận hành chính thức, nâng công suất toàn Công ty.

Ngoài ra, Công ty đã được Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án cảng trên diện tích 34,57 hecta với 400M cầu cảng tại Sông Thị Vải công suất 3 triệu tấn năm. Công trình sẽ được thiết kế để sử dụng cho nhu cầu của Công ty khoảng 1,5 triệu tấn phế liệu/năm và 1,5 triệu tấn hàng hóa khai thác khác vào cuối năm 2013.



6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

❖ Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng: Công ty đầu tư lớn vào hệ thống máy thử nghiệm thành phần hóa học và máy thử cơ lý tính, đảm bảo mọi thành phẩm xuất xưởng phải chặt chẽ tuân theo tiêu chuẩn đã đăng ký, đồng thời các hoạt động được kiểm soát theo qui trình và mẫu biểu ISO 9001.

Quy trình quản lý chất lượng sản phẩm của Công ty:

- Pomina sản xuất sản phẩm chính theo tiêu chuẩn: TCVN, JIS, ASTM
- Đối với thép rebar (thanh), section (hình) áp dụng hướng dẫn: 5HD25.21
- Đối với thép wirerod (cuộn): áp dụng theo hướng dẫn: 5HD26.21
 - Thép thanh (rebar) và thép hình (section):

Từ 15 – 60 phút (tối đa): Công nhân KCS lấy mẫu kiểm 1 lần, mỗi lần 2 đoạn thép 100 - 200mm kiểm tra barem và hình học thép thanh, thép hình ghi vào biểu mẫu mà ISO 9001 đã ban hành.

Trong khoảng 40 - 60 tấn: Công nhân KCS lấy 3 mẫu dài 800 mm để thử kéo, uốn. Ngoài ra công nhân KCS có quyền kiểm tra bất kỳ thời điểm nào trong ca.
 - Thép wirerod (cuộn):

Tối đa 60 phút công nhân KCS kiểm tra 1 lần, mỗi lần 2 đoạn thép 100 - 200mm.

Kiểm tra cơ lý tính: 60 - 100 tấn sản phẩm 1 lô lấy kiểm tra 3 mẫu đo đường kính theo biểu mẫu ISO 9001 đã ban hành.

Sản phẩm kiểm tra không đạt: phân loại, đánh dấu và tập trung theo sơ đồ kho qui định.

❖ Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty:

- Phòng KCS: 01 trưởng bộ phận KCS sản xuất và 6 công nhân KCS trình độ trung cấp đi theo ca sản xuất.
- Dịch vụ: Khi sản phẩm bị khách hàng khiếu nại phản ánh về chất lượng thì trưởng bộ phận KCS có trách nhiệm thu thập thông tin sau đó thảo luận giải quyết: test uốn tại trung tâm 3 để có kết quả thỏa mãn khách hàng.



Hình 32: Máy thử thành phần hóa học SPECTRO LAB

 SPECTRO		122278	17/07/2009 3:58:43 SA					
Method:	Fe-12		17/07/2009 3:58:36 SA					
Comment:	medium alloy steel		Element Concentration					
Year/Month/Date:	Heats:		Shift:					
	3395							
Kip:	Sample Name:							
	C	Si	Mn	P	S	Cr	Ni	Mo
	%	%	%	%	%	%	%	%
Q (1)	0.118	0.0001	0.437	0.0107	0.0492	0.0795	0.0795	0.0158
	Al	Cu	Cu	Ti	Nb	V	W	Pb
	%	%	%	%	%	%	%	%
Q (1)	0.0045	0.181	0.0084	0.0017	< 0.00020	0.0015	< 0.0050	0.0028
	Zn	Fe						
	%	%						
Q (1)	< 0.0300	98.9						

Hình 33: Phân tích 16 thành phần hóa học trong từng mẻ thép



Hình 34: Máy phân tích thành phần hóa học LECO



Hình 35: Máy thử tính cơ lý



6.7. Hoạt động Marketing

(a) *Sứ mệnh của thương hiệu*

Với sự nhất trí cao nhất của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Pomina cùng với các cổ vấn, là những chuyên gia kinh tế hàng đầu của Việt Nam hiện nay, đã tiến hành định vị thương hiệu và xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu cho Pomina trong giai đoạn 2008 - 2015 với sứ mạng: “Phấn đấu trở thành niềm tự hào của Việt Nam trong ngành công nghiệp nặng”.

Các giá trị cốt lõi của thương hiệu được xác định làm cơ sở để thực hiện sứ mạng trên:

- Là công ty sản xuất thép có dây chuyền công nghệ hiện đại nhất Vùng Đông Nam Á và Việt Nam hiện nay;
- Trở thành công ty có sản lượng sản xuất thép xây dựng lớn nhất Việt Nam vào năm 2009;

(b) *Định vị thương hiệu*

- Là một trong những nhà máy sản xuất thép có công suất lớn nhất Việt Nam hiện nay, với những sản phẩm thép chất lượng cao phù hợp với các công trình trọng điểm của đất nước (mảng công nghiệp cũng như dân dụng);
- Là sản phẩm thép xây dựng chất lượng với mức thép cao SD 390, Gr60 vì thế sản phẩm của thép Pomina hiện nay chủ yếu được sử dụng tại các công trình lớn, như thủy điện, cầu, đường, các cao ốc, khu dân cư hiện đại...;
- Khách hàng chính của Pomina là các Công ty Xây dựng, Công ty Tư vấn – Thiết kế, nhà thầu... có uy tín nhất hiện nay như Tổng công ty Xây dựng số 1, Cofico, Hòa Bình, Coteccon...; thêm vào đó là các công ty phân phối hàng đầu Việt Nam trong ngành thép như SMC, CNT...;
- Bên cạnh việc cung cấp trực tiếp cho các công trình, sản phẩm thép Pomina còn chiếm sự được tin tưởng và được chọn để sử dụng như một nguyên liệu không thể thiếu của các đối tác hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất bê tông như Công ty Bê tông Châu Thới 620, Công ty Bê tông Hùng Vương, Công ty Bê tông Phan Vũ...;
- Bằng những dự án đầu tư mang tính chiến lược, Công ty Pomina đã góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp luyện cán thép, một ngành giữ vị trí quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

(c) *Tầm nhìn thương hiệu:*

Công ty Pomina không ngừng nỗ lực củng cố và phát triển để giữ vững vị trí trong ngành công nghiệp thép Việt Nam và có khả năng cạnh tranh quốc tế.



(d) Bảo vệ thương hiệu

❖ **Đăng ký bảo hộ trong nước**

- Yếu tố đầu tiên mà doanh nghiệp sử dụng để bảo vệ thương hiệu của mình chính là yếu tố chất lượng sản phẩm. Việc tập trung hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm cung cấp cho khách hàng những sản phẩm tốt nhất là cách hiệu quả nhất để bảo vệ uy tín thương hiệu của mình.
- Về mặt pháp lý, thương hiệu POMINA (thương hiệu Công ty) và các thương hiệu sản phẩm (các nhãn hàng) đều được đăng ký bảo hộ bởi Cục Sở hữu Trí tuệ (Bộ khoa học và Công nghệ).

❖ **Các biện pháp bảo vệ thương hiệu khác**

- Phương pháp trực quan thương hiệu chống hàng nhái, hàng giả, đồng thời cũng như một sự cam kết với khách hàng về chất lượng sản phẩm, các sản phẩm của Công ty đều được in mác thép và logo nổi trên mỗi sản phẩm.
- Về mặt pháp lý, Công ty chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng như Quản lý Thị trường, Trung tâm Kiểm định III... các tổ chức xã hội như Hội bảo vệ Người tiêu dùng để cùng thực hiện các biện pháp xử lý kịp thời khi phát hiện có những sản phẩm không đạt chất lượng mang thương hiệu Công ty xuất hiện trên thị trường.
- Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các chương trình truyền thông thương hiệu nhằm xây dựng và nâng cao nhận thức của khách hàng đối với thương hiệu của Công ty. Từ đó, người tiêu dùng có được sự nhận biết đối với sản phẩm của Công ty, phân biệt được so với các sản phẩm khác...

(e) Mức độ đầu tư cho công tác xây dựng, quảng bá thương hiệu:

Ý thức được tầm quan trọng của công tác xây dựng và phát triển thương hiệu, mức chi tiêu hàng năm của công tác này được tăng theo hàng năm, tỷ lệ với sự phát triển nhanh chóng của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, và hiện đã đạt mức 1 triệu USD/năm, bao gồm hàng loạt các hoạt động đa dạng khác nhau như tài trợ, quảng cáo, tổ chức sự kiện...



Kế hoạch truyền thông thương hiệu năm 2009 có các hoạt động cụ thể sau:

Bảng 18: Chi phí truyền thông thương hiệu Pomina năm 2009

Hoạt động	Ngân sách (đồng)
Chương trình “Ngôi nhà Mơ ước”	7.260.000.000
Chương trình “Câu chuyện Ước mơ”	6.600.000.000
Chương trình “Chìa khóa thành công”	3.420.000.000
Cúp Xe đạp Truyền hình TP HCM	847.000.000
Bảng hiệu cho hệ thống cửa hàng đại lý	1.200.000.000
Bảng quảng cáo cỡ lớn (Billboard) cho nhãn hiệu	120.000.000
Hội chợ	120.000.000
Quảng cáo TVC spots tại thị trường Campuchia	360.000.000
Các hoạt động PR truyền thông báo đài	300.000.000
Các hoạt động tài trợ hội nghị, hội thảo ngành thép và ngành xây dựng	500.000.000
TỔNG CỘNG	20.727.000.000

(Nguồn: Pomina)

Bảng 19: Kế hoạch truyền thông thương hiệu Pomina năm 2010

Hoạt động	Ngân sách (đồng)
Chương trình “Ngôi nhà Mơ ước”	5.800.000.000
Chương trình “Câu chuyện Ước mơ”	4.400.000.000
Chương trình “Chìa khóa thành công”	3.438.000.000
Cúp Xe đạp Truyền hình TP HCM	1.373.482.000
Chi phí truyền thông, quảng cáo khác	14.988.518.000
TỔNG CỘNG	30.000.000.000

(Nguồn: Pomina)

(f) Qui mô thị trường, thị phần:

- Thị trường: Thị trường chính của các sản phẩm Công ty bao gồm toàn bộ Khu vực từ miền Trung trở vào, các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long, toàn bộ các tỉnh Cao nguyên Trung Bộ. Ngoài ra Pomina còn là nhà phân phối thép uy tín nhất Campuchia.
- Thị phần: Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt của thị trường thép Việt Nam hiện nay, Công ty vẫn đạt được mức thị phần 30%, và trong những năm gần đây đều có mức độ tăng trưởng từ 5 đến 7%...

(g) *Quan hệ cộng đồng:*

- Chương trình “*Ngôi nhà mơ ước*”, và “*Câu chuyện Ước Mơ*”: Không chỉ tập trung cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, với ý thức rất rõ vai trò và trách nhiệm của mình đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội. Công ty đã phối hợp cùng Đài Truyền hình Tp.HCM thực hiện chương trình “*Ngôi nhà mơ ước*” và “*Câu chuyện Ước Mơ*” với mong muốn mang lại một cuộc sống tốt hơn cho những người nghèo. Có thể nói, chương trình này đã khẳng định được vai trò định hướng trong công tác từ thiện một cách hiệu quả và đầy ý nghĩa.
- Sau gần bốn năm thực hiện, chương trình “*Ngôi nhà mơ ước*” đã xây gần 200 căn nhà đã được trao tận tay người nghèo và chương trình “*Câu chuyện Ước Mơ*” đã tài trợ rất nhiều trường hợp như xây cầu nông thôn, xây lớp học tình thương, phòng khám nhân đạo, được đóng góp trực tiếp tài trợ cho tập thể cá nhân có những hoạt động xã hội hoặc tài trợ cho các bệnh nhân nghèo mắc bệnh nan y... Cả hai chương trình được thực hiện từ Huế trở vào các tỉnh Miền Nam, chương trình đã tạo được sự đồng cảm và quan tâm sâu sắc của rất nhiều người cũng như của lãnh đạo các ban ngành Thành phố và các tỉnh.

(h) *Hệ thống mạng lưới phân phối sản phẩm, dịch vụ:*

- Với chính sách ưu đãi linh hoạt và các dịch vụ hỗ trợ khách hàng truyền thống, 7 nhà phân phối chính (Tổng đại lý) cùng với hơn 800 đại lý cấp II đã tạo nên một hệ thống phân phối vô cùng hiệu quả tất cả các dòng sản phẩm của Công ty.
- Trong thời gian qua, Công ty luôn chú trọng các công tác chăm sóc khách hàng và xem đây là yếu tố quyết định tạo nên sự phát triển của công ty. Cùng với mạng lưới phân phối rộng khắp, đội ngũ nhân viên khách hàng chuyên nghiệp và được đào tạo liên tục, các sản phẩm thép Pomina tự hào được góp mặt và đã thực sự trở thành yếu tố cốt lõi cho hàng vạn công trình lớn nhỏ trên khắp mọi miền đất nước.

6.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Các sản phẩm Pomina mang nhãn hiệu Pomina với Logo nổi bật trên từng mét sản phẩm:
HÌNH QUẢ TÁO NỔI

Công ty đã đăng ký độc quyền về cả tên Công ty, tên thương hiệu và Logo tại thị trường Việt Nam và Campuchia.



Hình 36: Logo Công ty Pomina



- Ý nghĩa của Logo:

- Logo hình quả táo, trong đó nổi bật hình ảnh hạt giống của trái táo mang ý nghĩa Cốt lõi của mầm sống, cốt lõi của sự sống. Ý nghĩa này nói lên tầm quan trọng và đặc biệt của những gì được gửi gắm và mang trên mình biểu tượng này. Như những mầm sống đem đến sự sống cho muôn loài, những mạch máu đem đến nguồn sống nuôi cơ thể, Thép Pomina mang đến nguồn sống cho những công trình trường tồn mãi mãi theo thời gian – Thép Pomina từ đó đã trở thành cốt lõi của sự sống.
- Logo cũng là một biểu trưng của sự cam kết về chất lượng đối với tập thể HĐQT, Ban điều hành và toàn thể CBCNV Công ty Thép Pomina đối với những gì được mang trên mình hình ảnh này. Chất lượng để mãi mãi trường tồn chính là điều cốt lõi và cũng chính là Tôn Chỉ và Mục đích của Công ty.
- Thêm vào đó hình ảnh quả táo tự thân vốn đã rất gần gũi với tất cả mọi người, được gắn lên một thanh thép sẽ là một hình ảnh đáng yêu, là một điểm gọi nhớ khi người ta bắt gặp nó lần đầu tiên và sẽ dễ “gọi lại” trong tâm trí mọi người mỗi khi cần nhớ đến một thương hiệu thép – thương hiệu Thép Trái Táo.

6.9. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 20: *Danh sách một số hợp đồng lớn của Pomina đến 26/03/2010*

Hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm	Trị giá	Thời gian
HĐ tiêu thụ sản phẩm	Cty TNHH TM Thép Việt	Thép thành phẩm	5.500.000.000.000 đồng	1 năm
HĐ mua	Cty CP Thép – Thép Việt	Phôi thép	8.460.000 USD	1 tháng
HĐ mua	Cty TNHH TMDV Hồng Phúc	Dầu FO	15.000.000.000 đồng	1 tháng
Các hợp đồng Nhập khẩu	Nhiều đối tác	Phôi thép	78.140.612 USD	1-3 tháng
Các hợp đồng xuất khẩu	Nhiều đối tác	Thép thành phẩm	2.300.000 USD	1-2 tháng
HĐ mua	SMS Concast	Cung cấp thiết bị nhà máy luyện 1 triệu tấn	18.370.000 EUR	03 năm
HĐ mua	Tenova S.p.A	Cung cấp thiết bị (HT consteel) nhà máy luyện 1 tr/tấn	8.970.000 EUR & 5,600,000 USD	03 năm
HĐ vay	NH Công Thương	Vay đầu tư dự án 1 triệu /tấn	884.000.000.000 đồng	07 năm
HĐ mua	PV GAS SG	Đầu tư cung cấp khí gas	27.033.000.000 đồng	03 năm

(Nguồn: Pomina)



6.10. Thị phần, thị trường của Công ty Pomina

(a) Thị trường chính:

Sản phẩm của thép Pomina là sản phẩm thép xây dựng chất lượng với mức thép cao SD 390, Gr60 nên hiện nay chủ yếu được sử dụng tại các công trình lớn, như thủy điện, cầu, đường, các cao ốc, khu dân cư hiện đại... Có thể kể đến một số các công trình tiêu biểu trong số hàng vạn công trình lớn nhỏ trên khắp mọi miền đất nước mà sản phẩm của Thép Pomina tự hào được góp mặt:

- Các cầu giao thông huyết mạch, có vai trò chiến lược trong quá trình phát triển kinh tế của vùng đồng bằng sông Cửu Long, như cầu Thủ Thiêm, cầu Cần Thơ, cầu Rạch Miễu, cầu Bến Lức...
- Các công trình thủy điện với quy mô và công suất lớn, phục vụ cho yêu cầu điện khí hóa các vùng nông thôn và cao nguyên, như Thủy điện Đồng Nai, Ialy, Buôn Kốp, Sêsan...
- Các khu dân cư, khu đô thị mới hiện đại nhất, những cao ốc sang trọng và tiện nghi nhất hiện nay Tp.HCM như Phú Mỹ Hưng, Saigon Pearl, The Mannor, Đảo Kim Cương, Sunrise City, The RubyLand...

Với mục tiêu định vị thương hiệu đã nói trên, các khách hàng chính của Pomina là các Công ty Xây dựng, Công ty Tư vấn – Thiết kế, nhà thầu... có uy tín nhất hiện nay như Cofico, Hòa Bình, Coteccon...

Bên cạnh việc cung cấp trực tiếp cho các công trình, sản phẩm thép Pomina còn chiếm sự được tin tưởng và được chọn để sử dụng như một nguyên liệu không thể thiếu của các đối tác hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất bê tông như Công ty Bê tông Châu Thới 620, Công ty Bê tông Hùng Vương, Công ty Bê tông Phan Vũ...

(b) Đối thủ cạnh tranh

Chủ yếu là các công ty sản xuất thép trong nước, tuy nhiên hơn một nửa các công ty cùng ngành trong nước không làm chủ được nguồn nguyên vật liệu là phôi thép, công nghệ rất cũ kỹ hoặc đã qua sử dụng, bị đào thải ở nước ngoài, vì thế về mặt chất lượng, Pomina được coi là chất lượng hàng đầu và rất ít đối thủ cạnh tranh trực tiếp trong thị phần này.

Những lúc có biến động mạnh giá thép trên thị trường thế giới, một số sản phẩm nhập khẩu được mang vào Việt Nam, nhưng chủ yếu là thép cuộn không rõ xuất xứ nhà máy, chất lượng không kiểm soát được, vốn không phải thị phần tập trung của Pomina.

(c) Thị phần

Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt của thị trường thép Việt Nam hiện nay, Công ty vẫn đạt được mức thị phần 30%, và trong những năm gần đây đều có mức độ tăng trưởng từ 5 đến 7%...



7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty 2007 – 2009

Bảng 21: Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2007 – 2009

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2007	2008	2009
1	Tổng giá trị tài sản	1.416.021	1.683.935	6.004.516
	% tăng giảm so với cùng kỳ năm trước	(2,21)	15,91	256,58
2	Doanh thu thuần	6.148.982	7.229.671	7.539.334
	% tăng giảm so với cùng kỳ năm trước	59,69	17,58	4,28
3	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	28.466	496.224	826.507
	% tăng giảm so với cùng kỳ năm trước	1,88	1.643,22	66,56
4	Lợi nhuận khác	692	(13.887)	(44.874)
5	Lợi nhuận trước thuế	29.158	482.338	781.633
6	Lợi nhuận sau thuế	27.129	445.156	656.387
	% tăng giảm so với cùng kỳ năm trước	4,83	1.540,87	-
	LNST của cổ đông thiểu số	-	-	151.497
	LNST của Công ty mẹ	-	-	504.890
7	Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá (%)	-	88	9,4

(Nguồn: Pomina)

Lưu ý:

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO Việt Nam (BDO AFC) có thể hiện ý kiến ngoại trừ như sau: “Do đặc thù của nguyên vật liệu chính (phế liệu) tồn kho tại Công ty con – Công ty Cổ phần Thép Việt nên chúng tôi không thể tiến hành kiểm kê thực tế nguyên vật liệu chính (phế liệu) tồn kho vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và chúng tôi không thể tiến hành các thủ tục kiểm toán khác để kiểm chứng thực tế số liệu thể hiện trên bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của hàng tồn kho – nguyên vật liệu chính (phế liệu) với giá trị là 454.853.798.483 VND”.

Về việc này, Pomina giải thích thêm như sau: nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất phôi thép tại Thép Việt là phế liệu, do đặc điểm là không đồng nhất về kích thước, trọng lượng, hình dạng... nên Công ty không thể đo đạc hay ước lượng được tại thời điểm kiểm kê.

Tuy nhiên, để khắc phục điều này trong Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính tiếp theo (năm 2010), Công ty Pomina dự kiến sẽ mời đơn vị kiểm toán tham gia quan sát quá trình nhập kho nguyên vật liệu trong một khoảng thời gian 2-3 tuần trước khi kết thúc năm tài chính.



7.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2007, 2008 và 2009

Từ năm 2006 đến nay, kinh tế Thế giới bắt đầu có nhiều biến động, trong đó nổi bật là sự tăng giá liên tục của các nguyên vật liệu chính từ dầu thô, sắt thép, lúa gạo, phân bón...

Năm 2007 tiếp theo cũng được đánh dấu với những biến động sâu sắc về tài chính và giá cả nguyên vật liệu, thị trường Việt Nam cũng không nằm ngoài ảnh hưởng này. Việt Nam còn phải gánh chịu một năm với tỷ lệ lạm phát lên tới 2 con số, tình hình khan hiếm ngoại tệ do thâm hụt mậu dịch là một áp lực lên kinh doanh các mặt hàng trong đó có giá bán thép - một sản phẩm trọng điểm của nền kinh tế. Riêng phôi thép đã tăng gần như không có giới hạn và ở mức lịch sử, giá chào đầu năm 2007 ở mức 450USD/tấn, đến cuối năm đã lên mức 700USD/tấn, tăng 55,5%.

Đầu năm 2008 đến giữa năm 2008, giá phôi thép liên tục tăng, đến tháng 7/2008, phôi thép được chào và mua ở mức 1.200USD/tấn, tăng 71,5% so với đầu năm 2008. Tuy nhiên, công ty đã nhập được số lượng lớn phôi thép giá thấp từ đầu năm (giá trung bình 690USD/tấn), nên đã đạt lợi nhuận cao. Những tháng cuối năm sau thời điểm này, khi các dấu hiệu của sự suy thoái và khủng hoảng thị trường nhà đất Mỹ rõ ràng, giá phôi đã rút liên tục nên kết quả kinh doanh Công ty từ 01/08 – 31/12/2008 lỗ 51 tỷ đồng. Và khi các nền kinh tế Thế giới tuyên bố suy thoái thì giá phôi chỉ còn ở mức 350USD vào những tháng đầu năm 2009.

Từ đó, trong những năm qua, nhận xét được yếu tố rủi ro cao trong kinh doanh, Công ty Pomina đã chủ động đối phó với tình hình, không ngừng tăng sản lượng trong 2 năm 2006 và 2007, tuy nhiên trong năm 2008, Công ty quyết định giảm sản lượng để tránh rủi ro tổn thất về hàng tồn kho khi giá cả biến động quá cao và thị trường đang trong giai đoạn đi xuống, tránh rủi ro về tỷ giá khi khan hiếm ngoại tệ đi kèm với lạm phát.

Tuy nhiên đến hết Quý 1 năm 2009, với sự nỗ lực của Chính Phủ các nước, những chính sách kích cầu mạnh mẽ, sự suy thoái đã bắt đầu có biểu hiện chậm lại, tại một số Quốc gia tình hình kinh tế đã có vẻ khả quan và báo hiệu đáy của đợt khủng hoảng đã đến.

Chính nhờ các chính sách cứu nguy nền kinh tế này, mà ngành thép – một trong những ngành chịu khủng hoảng nặng nhất – đã dần có những bước phục hồi. Giá thép trên Thế giới không ngừng tăng mạnh mẽ, thể hiện mạnh nhất là sản phẩm Phôi thép: từ mức giá chào CNF là 360-370 USD/tấn vào tháng 3/2009 nay đã tăng lên đến mức 500 USD/tấn vào tháng 8/2009.

Tại Việt Nam, tình hình tiêu thụ sắt thép tỏ ra rất khả quan do các gói kích cầu sớm phát huy hiệu quả từ ngay cuối Quý 1 năm 2009, mặt khác do giá thép và nhiều loại vật liệu xây dựng khác ở mức rất thấp so với những thời điểm trước đây nên nhiều công trình xây dựng cơ bản và cao tầng tiếp tục được triển khai mạnh mẽ.

Đặc biệt do đội ngũ CBCNV lành nghề, chi phí sản xuất thấp so với các nhà máy cùng ngành, Ban TGD Công ty kinh nghiệm, nhạy bén nắm rõ tình hình thị trường tranh thủ được thời cơ khi giá thép trên Thế giới có biến động. Ngoài ra tuy có khó khăn trong việc cân đối ngoại tệ, nhưng tỷ giá vẫn chưa biến động ở mức cao do chính sách điều hành vĩ mô của Nhà nước đã có những tiến bộ hơn so với năm 2008, đây cũng là một yếu tố thuận lợi đóng góp vào thành quả của năm 2009.



8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Pomina ra đời vào năm 1999 với nhà máy cán thép có công suất 300.000MT. Ngay sau khi đi vào hoạt động, nhà máy đã nhanh chóng đạt 100% công suất. Được sự tín nhiệm của thị trường, năm 2005 Pomina tiếp tục cho ra đời Dàn cán thép 2 có công suất 300.000MT và 2009 thêm dàn máy cán thép thứ ba (Thép Thép Việt) 500.000 tấn thép cán, nâng tổng công suất của Pomina lên 1.100.000 tấn thép cán. Ngoài ra đến 2009, công suất luyện (Thép Thép Việt) cũng là 500.000 tấn, là 1 trong 2 nhà máy có công suất luyện phôi lớn nhất Việt Nam. Như vậy đến nay Pomina đã sở hữu 0,5 triệu tấn công suất luyện thép và 1,1 triệu tấn công suất cán thép xây dựng. Hiện tại Pomina là doanh nghiệp thép lớn nhất Việt Nam, chiếm thị phần 29,37% sản lượng cả nước.

Pomina đang trong quá trình xây dựng và lắp đặt thêm 1 nhà máy có công suất 1 triệu tấn luyện thép và 0,5 triệu tấn cán thép (Nhà Máy Luyện Phôi Thép) tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, sẽ bắt đầu vận hành vào Quý 1 năm 2012. Với sự ra đời của Nhà máy này, công suất của Pomina trong ngành thép sẽ là: 1,5 triệu tấn cán và 1,6 triệu tấn luyện (đã bao gồm công suất của Thép Thép Việt), bỏ xa các công ty khác trong cùng ngành và tiếp tục duy trì vị trí này trong nhiều năm tới.

So sánh sản lượng và thị phần các doanh nghiệp sản xuất thép cán trong những năm qua:

Bảng 22: So sánh sản lượng và thị phần các doanh nghiệp sản xuất thép 2006-2008⁶

Chỉ tiêu	Đơn vị	2006	2007	2008
TOÀN QUỐC				
Sản lượng thép cả nước	Nghìn tấn	3.583.265	3.955.834	3.745.179
Tăng trưởng cả nước	%	14,2%	10,39%	-5,32%
Sản lượng của các DN trong Hiệp hội thép	Nghìn tấn	2.983.265	3.355.834	3.145.179
Tăng trưởng của hiệp hội thép	%	14,2%	17,10%	-6,28%
Sản lượng của các DN làng nghề ngoài Hiệp hội thép (ước)	Nghìn tấn	600.000	600.000	600.000
POMINA				
Sản lượng tiêu thụ	Nghìn tấn	520.547	655.220	525.017
Tăng trưởng (tiêu thụ)	%	19,32%	25,87%	-19,87%
Thị phần Pomina (so với cả nước)	%	14,53%	16,56%	14,02%
Thị phần Pomina (so với Hiệp hội)	%	17,45%	19,52%	16,69%

Những lợi thế cạnh tranh của Pomina so với doanh nghiệp khác trong ngành:

Về góc độ công nghệ của các dây chuyền cán thép:

Pomina hiện đang sở hữu 2 dây chuyền cán thép hiện đại, tọa lạc tại khu Công nghiệp Sóng Thần II, tỉnh Bình Dương và 1 xưởng cán tại Công ty Cổ phần Thép Thép Việt tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (sở hữu 99,5% Thép Thép Việt):

⁶Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam - VSA và báo cáo của Pomina

- ✓ **Dây chuyền cán 1 tại Pomina ở Bình Dương:** Công nghệ ITALY, được cung cấp bởi hãng Vai-POMINI. Đây là dây chuyền cán thép thanh vằn và thép cuộn, công suất hơn 300.000 tấn năm, ứng dụng công nghệ hiện đại Châu Âu năm 2002, sản xuất ra các sản phẩm đa dạng theo tiêu chuẩn JIS và ASTM đáp ứng mọi yêu cầu khắc khe của các dự án xây dựng trong và ngoài nước.
- ✓ **Dây chuyền cán 2 tại Pomina ở Bình Dương:** Công nghệ GERMANY, được cung cấp bởi hãng SIMAC. Đây là dây chuyền cán thép thanh vằn và thép hình, công suất hơn 300.000 tấn năm, ứng dụng công nghệ hiện đại bậc nhất Châu Âu năm 2004, sản xuất ra các sản phẩm thép thanh và thép hình đa dạng theo tiêu chuẩn JIS và ASTM.
- ✓ **Dây chuyền cán 3 tại Thép Thép Việt ở Bà Rịa Vũng Tàu:** Công nghệ của SIEMENS VAI (GERMANY – ITALIA), là dàn máy cán có suất 500.000 tấn năm, sử dụng những thiết bị, công nghệ và quy trình mới nhất trên Thế giới năm 2008, hiện đại nhất và mới nhất Việt Nam và trong khu vực Đông Nam Á hiện nay. Riêng lò nung là công nghệ lò walking hearth (lò bước). Hệ thống có khả năng kết nối trực tiếp với hệ thống quản lý ERP của Công ty để cho dữ liệu điều khiển và thống kê trực tiếp.

Tính năng vượt trội của cả 3 dây chuyền công nghệ của Pomina:

Sử dụng hệ thống tự động hóa cao từ đầu đến cuối dây chuyền, kiểm soát toàn bộ quá trình sản xuất phù hợp với hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 mà công ty đang áp dụng, đảm bảo chất lượng cao của sản phẩm đầu ra và giảm giá thành sản xuất.

Xưởng máy công cụ được trang bị các máy CNC gia công trục cán, bánh cán, đảm bảo độ chính xác hình học, chất lượng bề mặt và tính mỹ quan cao nhất cho sản phẩm.

Phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm được trang bị các thiết bị hiện đại đảm bảo kiểm soát hoàn toàn chất lượng vật tư đầu vào cả sản phẩm đầu ra.

Nhà máy luyện thép 500.000 tấn:

Nhà máy luyện thép 500.000 tấn năm Thép Thép Việt tại Bà Rịa Vũng Tàu:

- ✓ Công nghệ Consteel, nạp liệu liên tục, không gây khói bụi, ồn ào, giảm ô nhiễm môi trường, không mở nắp thiết bị dẫn đến giảm tiêu hao năng lượng, trong khi có khả năng thu hồi nhiệt để xấy liệu lên 300 độ C trước khi được đưa vào lò luyện cũng làm cho chỉ tiêu tiêu hao năng lượng giảm đáng kể.
- ✓ Năng suất cao: 60 tấn/mẻ với thời gian nấu luyện theo thiết kế là 60 phút/mẻ (tap to tap time)
- ✓ Tiêu hao thấp: Tiêu hao điện cho lò EAF 400Kwh/t; tiêu hao điện cho lò LF 54 Kwh/t...
- ✓ Thân thiện với môi trường: sử dụng hệ thống công nghệ xử lý bụi tiên tiến, hệ thống nạp liệu hiện đại, đảm bảo các chỉ tiêu về bụi, về tiếng ồn... đạt tiêu chuẩn môi trường của Châu Âu.
- ✓ Hệ thống thiết bị được cung cấp bởi các hãng hàng đầu Châu Âu là Techint và ABB, điều khiển tự động hoàn toàn cấp độ 2.

- ✓ Thiết bị đúc liên tục có thể sản xuất ra phôi thép kích thước từ 120x120mm tới 160x160mm với chiều dài 12m, thép C thấp, C cao và thép hợp kim sử dụng cho xây dựng, kết cấu và các ngành khác...

Nhà máy luyện công suất 1 triệu tấn năm lớn nhất Việt Nam:

Nhà máy 1 triệu tấn hiện nay đang trong quá trình xây lắp sẽ đưa vào vận hành vào cuối năm 2011 tại Bà Rịa Vũng Tàu, ứng dụng công nghệ hiện đại, thế hệ mới nhất, với các tính năng ưu việt như:

- ✓ Công nghệ Consteel, nạp liệu liên tục, không gây khói bụi, ồn ào, giảm ô nhiễm môi trường, không mở nắp thiết bị dẫn đến giảm tiêu hao năng lượng, trong khi có khả năng thu hồi nhiệt để xấy liệu lên 300 độ C trước khi được đưa vào lò luyện cũng làm cho chỉ tiêu tiêu hao năng lượng giảm đáng kể.
- ✓ Năng suất cao: 120 tấn/mẻ với thời gian nấu luyện theo thiết kế là 48 phút/mẻ
- ✓ Tiêu hao thấp: Tiêu hao điện cho lò EAF 350Kwh/t; tiêu hao điện cho lò LF 0.55 Kwh/t ...
- ✓ Thân thiện với môi trường: sử dụng hệ thống công nghệ xử lý bụi tiên tiến, hệ thống nạp liệu hiện đại, đảm bảo các chỉ tiêu về bụi, về tiếng ồn... đạt tiêu chuẩn môi trường của Châu Âu.
- ✓ Hệ thống thiết bị được cung cấp bởi các hãng hàng đầu Châu Âu, điều khiển tự động hoàn toàn cấp độ 2 và 3 và có khả năng nối kết với hệ thống phần mềm quản lý doanh nghiệp SAP.
- ✓ Thiết bị đúc liên tục có thể sản xuất ra phôi thép kích thước từ 120x120mm tới 200x200mm với chiều dài 12m, thép C thấp, C cao và thép hợp kim sử dụng cho xây dựng, kết cấu và các ngành khác...

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Thép là lương thực của tất cả các ngành công nghiệp khác. Thép không chỉ đơn thuần là vật liệu xây dựng mà còn là lương thực của các ngành công nghiệp nặng, xây dựng và quốc phòng. Bên cạnh đó, ngành thép còn đóng vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Do vậy, ngành thép luôn được Nhà nước xác định là ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển trong quá trình phát triển của đất nước. Sự tăng trưởng của ngành thép luôn đi đôi với sự tăng trưởng của ngành công nghiệp và nền kinh tế.

Việt Nam hiện đang trong giai đoạn xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng nên nhu cầu tiêu thụ thép xây dựng cũng tăng cao, chiếm 63% trong năm 2006 và 54% trong năm 2007 trên tổng sản lượng tiêu thụ thép toàn quốc. Tuy nhiên, trong những năm gần đây đã có sự dịch chuyển cơ cấu tiêu thụ sản phẩm thép giữa thép dài và thép dẹt do nhu cầu phát triển các ngành công nghiệp nặng tăng cao. Dự báo trong vòng 10 năm tới, thị phần tiêu thụ thép dẹt sẽ chiếm 60% so với tổng sản lượng thép tiêu thụ toàn ngành.

Trong những năm qua tuy ngành thép Việt Nam đã được đầu tư đáng kể và có những bước phát triển khá tốt, đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao nhưng hiện vẫn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức. Trên thực tế, ngành thép Việt Nam vẫn trong tình trạng kém phát triển so với các nước trong khu vực và so với trình độ chung của thế giới.

Giá thép Việt Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp từ thị trường thép thế giới, 50% phôi – nguyên vật liệu chính để sản xuất thép xây dựng phải nhập khẩu

Việt Nam hiện chỉ mới sản xuất được sản phẩm thép dài (thép xây dựng), còn thép dẹt và những sản phẩm thép cao cấp khác sản lượng sản xuất vẫn còn khiêm tốn, vẫn phải nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước.

Ngành thép hiện phải phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu chính là phôi thép, do ngành thép nội địa mới chỉ chủ động sản xuất khoảng 50% lượng phôi phục vụ cho cán thép xây dựng, còn lại vẫn phải phụ thuộc vào thị trường thế giới.

Trong những tháng đầu năm 2008, ngành thép đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc nhập khẩu phôi thép do nguồn nguyên liệu nhập khẩu chính từ Trung Quốc liên tục biến động. Đặc biệt với việc Trung Quốc nâng thuế xuất khẩu phôi thép từ 15% lên 25% và từ 10% lên 15% đối với thép thành phẩm đã làm cho giá thành cũng như giá bán sản phẩm thép trong nước tăng mạnh trong thời gian qua.

Mất cân đối trong cơ cấu sản xuất: Việc mất cân đối trong cơ cấu sản xuất giữa thép dài (thép xây dựng) và thép dẹt cùng với năng lực sản xuất phôi (nguyên vật liệu để sản xuất thép dài) chưa đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất, đã làm cho ngành thép gặp khó khăn trong việc tự điều tiết thị trường.

Năng lực sản xuất phôi chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất thép xây dựng. Với sự phát triển nhanh chóng của ngành thép trong thời gian qua, năng lực cán thép hiện nay đạt hơn 6 triệu tấn/năm, tăng gấp 3 lần so với năm 2001. Tổng sản lượng thép cán năm 2007 đạt gần 4 triệu tấn. Tuy nhiên, tình trạng mất cân đối giữa phát triển sản xuất phôi thép và cán thép vẫn chưa được khắc phục. Khả năng tự cung cấp phôi cho cán thép xây dựng trong nước mặc dù đã được cải thiện nhưng mức độ đáp ứng vẫn còn thấp. Năm 2007, nguồn phôi sản xuất trong nước đã đáp ứng được gần 70% nhu cầu cán. Tuy vậy, ngành thép vẫn phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu nên bị động trong việc cung cấp sản phẩm và điều tiết thị trường khi có những biến động lớn về giá và cung cầu thép trên thị trường thế giới.

Bảng 23: *Năng lực sản xuất phôi thép và nhu cầu phôi thép trong nước⁷*

Đơn vị tính: triệu tấn

	2006 (triệu tấn)	2007 (triệu tấn)	2008 (triệu tấn)
Sản xuất phôi trong nước	1,4	2,02	2,53
Cán thép xây dựng toàn ngành	3,58	3,95	3,74
Sản xuất phôi đáp ứng cho cán thép	39,11%	51,14%	67,65%

Năng lực cạnh tranh thấp và thiếu bền vững: Ngoại trừ một số Nhà máy hiện đại công suất lớn trên 300.000 tấn/năm cho máy cán và 500.000 tấn/năm cho lò luyện thép, Công nghệ sản xuất thép tại Việt Nam chỉ đạt mức trung bình và quy mô nhỏ nên năng lực cạnh tranh thấp so với các nước trong khu vực. Hiện tại, quy mô sản xuất thép của các doanh nghiệp Việt Nam còn khá khiêm tốn, với công suất trung bình khoảng 200.000 tấn/năm. Trình độ công nghệ, mức tự động hóa và trang thiết bị của các công ty trong ngành còn ở mức trung bình và thiếu đồng bộ, năng lực cạnh tranh thấp so với các nước trong khu vực và thế giới.

⁷ Nguồn: Hiệp hội thép Việt Nam

Bảng 24: So sánh công suất nhà máy thép theo quy mô nhà máy⁸

Công nghệ nhà máy cán thép	% tổng công suất cán toàn ngành
Nhà máy nhỏ và lạc hậu	15-20%
Nhà máy trung bình	55-65%
Nhà máy hiện đại	20-25%

Mặc dù Nhà nước đã tạo nhiều điều kiện, quy hoạch và định hướng cho sự phát triển của ngành thép nhưng vẫn còn những bất cập và thiếu đồng bộ trong công tác quản lý. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành khi xử lý các vấn đề về thuế, bình ổn thị trường, xuất nhập khẩu và các giải pháp bảo hộ sản xuất trong nước vẫn còn chưa chặt chẽ và đồng nhất. Đặc biệt, đối với những trường hợp đặc biệt như xuất khẩu phôi thép trong thời gian qua đã cho thấy những bất cập còn tồn tại trong việc xử lý những vấn đề liên quan trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành.

Tiềm năng phát triển dài hạn: Hiện nay Việt Nam phải nhập gần 50% lượng phôi cho hoạt động cán thép trong nước và nhập hơn 80% các loại thép dẹt thì tiềm năng cho các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào ngành thép ở Việt Nam là rất lớn.

Trong những năm gần đây, có rất nhiều dự án thép của các nhà đầu tư trong nước, nước ngoài hoặc liên doanh đầu tư vào Việt Nam. Đây là cơ hội tốt cho ngành thép trong nước khi các dự án có quy mô lớn, công nghệ hiện đại và quy trình nhà máy liên hợp khép kín sẽ giúp các doanh nghiệp sử dụng chi phí một cách hiệu quả nhất. Các dự án đầu tư này nếu khả thi sẽ đóng góp rất lớn cho sự phát triển của ngành, là nền tảng cho ngành thép phát triển sang một giai đoạn mới. Khi đó, các nhu cầu về phôi, thép xây dựng, và các sản phẩm dẹt không chỉ đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ trong nước mà còn có khả năng xuất khẩu và cạnh tranh với các nước trong khu vực.

Nhìn nhận một cách khách quan, việc đầu tư vào những dự án này sẽ giúp nội tại ngành phát triển tốt hơn, tuy nhiên sẽ có một sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp cũ và mới (chủ yếu là nước ngoài) trong ngành. Trong khi đó, các doanh nghiệp cũ trong ngành chỉ có lợi thế cạnh tranh ở thương hiệu và mối quan hệ lâu năm với khách hàng. Tuy nhiên chỉ có các doanh nghiệp lớn mới có lợi thế này và các doanh nghiệp sản xuất nhỏ lẻ sẽ gặp nhiều khó khăn để duy trì và tồn tại. Tuy vậy, đây là một sự đào thải theo quy luật tự nhiên để đảm bảo cho sự phát triển của ngành tập trung hơn, tốt hơn và vững chắc hơn.

8.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Nhận thức được tiềm năng và những thách thức của ngành thép Việt Nam như đã nêu trên, Pomina đã vạch ra chiến lược đầu tư tốt hơn với quy mô vốn lớn, công nghệ cao, công suất lớn, tạo chất lượng sản phẩm tốt, thương hiệu bền vững và chi phí giá thành cạnh tranh.

Theo đánh giá của Công ty thì chỉ với định hướng trên, doanh nghiệp mới có khả năng tiến dài và sâu trong ngành thép Việt Nam và trên Thế giới.

⁸ Nguồn: Hiệp hội thép Việt Nam



9. Chính sách với người lao động

- Số lượng người lao động trong công ty:

Hiện tại với 1 công ty thành viên và 02 nhà máy, Pomina có khoảng 940 nhân sự, với đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn, liên tục phát huy cải tiến sáng tạo năng động trong công tác quản lý và tổ chức sản xuất.

- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:

Chính sách đào tạo: Đào tạo và phát triển nhân viên là một trong các công tác ưu tiên của công ty. Chính sách đào tạo có mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên thành thạo về nghiệp vụ, chuyên nghiệp trong phong cách. Đối với các nhân viên có năng lực thì thường xuyên được công ty cử đi nước ngoài tham gia các khoá đào tạo và thực tập. Nhân viên được đào tạo dài hạn ở nước ngoài phải ký hợp đồng cam kết làm việc lâu dài tại Công ty

Chế độ khen lương thưởng: Mức lương trung bình 2009 đối với CBCNV văn phòng là: 5.989.000 đồng, đối với công nhân trực tiếp sản xuất là: 4.376.000 đồng. Mỗi năm, công nhân được hưởng thêm 1 tháng lương, nhân viên văn phòng, kỹ sư được thưởng 2 tháng lương. Ngoài ra công nhân được hưởng thêm lương vượt năng suất; thưởng cho các cá nhân tiêu biểu trong năm, thưởng sáng kiến.

Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội: Tất cả 100% CBCNV nhà máy đều được đóng BHXH và BHYT theo quy định và các bộ phận nặng nhọc, độc hại thì đều được hưởng phụ cấp. Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ hàng năm.

Bảng 25: Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc

Phân loại	Số người	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ		
Trên đại học	1	0.11
Đại học	140	14.89
Cao đẳng	54	5.74
Trung cấp, CNKT lành nghề	485	51.60
Lao động phổ thông	260	27.66
Tổng cộng	940	100
Theo tính chất công việc		
Lao động trực tiếp	767	81.60
Lao động gián tiếp	173	18.40
Tổng cộng	940	100

(Nguồn: Pomina)



10. Chính sách cổ tức

- Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhà nước theo qui định của pháp luật.
- Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHCĐ.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.
- Tỷ lệ cổ tức cho các năm sắp tới dự kiến duy trì trong khoảng 20% đến 25%/năm.

Bảng 26: Tỷ lệ cổ tức 2009 – 2013 (dự kiến)

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Cổ tức trên mệnh giá (%)	88	20	20	20	25	25

(Nguồn: Pomina)

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

- Trích khấu hao tài sản cố định
 - Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao phù hợp với quy định của Nhà nước. Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:
 - o Nhà, xưởng và vật kiến trúc: 25 năm
 - o Máy móc thiết bị: 3-7 năm
 - o Phương tiện vận tải: 2- 6 năm
 - o Thiết bị dụng cụ quản lý: 3-5 năm
 - o Phần mềm: 3 năm
- Mức lương bình quân năm 2009
Mức lương trung bình đối với CBNV văn phòng là: 5.989.000 đồng, đối với công nhân trực tiếp sản xuất là: 4.376.000 đồng.
- Thanh toán các khoản nợ đến hạn
Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.
- Các khoản phải nộp theo luật định
Các khoản lệ phí, thuế Công ty luôn nộp đầy đủ, đúng hạn theo luật định.
- Trích lập quỹ theo luật định
 - Hàng năm căn cứ vào báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh đã được kiểm toán, HĐQT đề xuất tỷ lệ mức trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ phúc lợi khen thưởng trước Đại hội cổ đông thường niên theo đúng luật định và điều lệ Công ty.



- Hiện tại mức trích lợi nhuận của Công ty trong năm như sau:
 - o Quỹ dự trữ bắt buộc : 5% lợi nhuận sau thuế
 - o Quỹ phát triển kinh doanh: khoảng 10% lợi nhuận sau thuế
 - o Quỹ khen thưởng & phúc lợi để lại: khoảng 5% lợi nhuận sau thuế
- (f) Tổng dư nợ vay
 - Tổng dư nợ vay ngày 31/12/2009 của Pomina: 3.021.102.676.319 đồng.
 - Tình hình công nợ ngày 31/12/2009:
 - o Tổng nợ phải thu của Pomina: 1.323.983.989.349 đồng.
 - o Tổng nợ phải trả của Pomina: 3.785.002.766.588 đồng.
- (g) Tình hình công nợ đến 31/12/2009

Bảng 27: Các khoản phải thu năm 2007 – 2009

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		2009	
		Số tiền	Quá hạn	Số tiền	Quá hạn	Số tiền	Quá hạn
1	Phải thu khách hàng	637.076	-	921.803	-	1.227.052	-
2	Trả trước cho người bán	297.077	-	1.098	-	92.456	-
3	Các khoản phải thu khác	-	-	881	-	4.475	-
4	Phải thu dài hạn nội bộ	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng		934.153	-	923.782	-	1.323.984	-

(Nguồn: Pomina)

Bảng 28: Các khoản phải trả năm 2007 – 2009

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		2009	
		Số tiền	Quá hạn	Số tiền	Quá hạn	Số tiền	Quá hạn
I	Nợ ngắn hạn	1.184.776	-	1.119.786	-	2.822.137	-
1	Vay ngắn hạn	633.045	-	666.765	-	2.058.236	-
2	Phải trả cho người bán	537.756	-	417.783	-	572.794	-
3	Người mua trả tiền trước	11.465	-	297	-	6.805	-
4	Thuế và các khoản phải nộp cho NN	1.668	-	34.853	-	159.025	-
5	Phải trả công nhân viên	680	-	51	-	712	-
6	Phải trả phải nộp khác	161	-	37	-	7.983	-



TT	Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		2009	
		Số tiền	Quá hạn	Số tiền	Quá hạn	Số tiền	Quá hạn
7	Chi phí phải trả	-	-	-	-	16.581	-
II	Nợ dài hạn	54.998	-	30.229	-	962.866	-
1	Vay dài hạn	54.812	-	30.188	-	962.866	-
2	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	141	-	-	-	-	-
3	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	44	-	41	-	-	-
Tổng cộng		1.239.774	-	1.150.015	-	3.785.003	-

(Nguồn: Pomina)



(h) Chi tiết các khoản vay:

A. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động bao gồm:

Ngân hàng	Hợp đồng TD	Số dư	Hạn mức	Hình thức bảo đảm
Ngân hàng Ngoại thương VN – CN Bình Dương	109B09 ngày 04/06/2009	348.438.346.698 (19.421.344,78 USD)	800 tỷ	Không có đảm bảo bằng tài sản
Ngân hàng Đầu tư phát triển – CN Bình Dương	0010/2009/00004244 ngày 06/02/2009	173.670.583.799	500 tỷ	Thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty
Ngân hàng Công thương VN - Sở GD2	09.166009/HĐTDHM ngày 05/05/2009	87.365.837.170 (4.869.619,15 USD)	300 tỷ	Thế chấp quyền tài sản phát sinh từ HĐKT với Công ty Thép Việt
	09.783001/HĐTDHM ngày 01/06/2009	163.453.854.312 115.575.087.384 (6.411.953,48 USD)	350 tỷ	Thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế (mua bán phôi)
Ngân hàng Sài gòn Thương tín	2474 ngày 07/08/2009	51.048.000.000 94.879.172.200 (5.288.399,32 USD)	300 tỷ	Không có đảm bảo bằng tài sản
Ngân hàng Đầu tư phát triển - TPHCM	00310/2009/0000633 ngày 06/07/2009	39.920.381.333	400 tỷ	Thế chấp quyền tài sản phát sinh từ HĐKT với Công ty Thép Việt và Thép Pomina
Ngân hàng Đầu tư phát triển – CN Phú Mỹ	01/09/02/1770447/HĐ ngày 18/08/2009	29.879.097.158	30 tỷ	Cầm cố các hợp đồng tiền gửi
Ngân hàng Ngoại thương VN - TPHCM	0095/KH/09NH ngày 03/04/2009	5.155.186.560 502.856.381.379	690 tỷ	Thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty



Ngân hàng	Hợp đồng TD	Số dư	Hạn mức	Hình thức bảo đảm
		(28.028.336,29 USD)		
	0358/KH/09NH ngày 30/09/2009	1.109.573.126 319.698.824.218 (17.819.454,00 USD)	150 tỷ	Cầm cố các hợp đồng tiền gửi
Tổng cộng		1.933.050.325.337		

Ghi chú: Lãi suất thỏa thuận

B. Chi tiết các khoản vay dài hạn

Ngân hàng cho vay	Hợp đồng tín dụng	Số tiền được vay	Thời hạn vay	Mục đích sử dụng	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Ngoại thương VN – CN Bình Dương	039D03 ngày 27/06/2003	147.754.449.000 VND	7 năm - từ tháng 01/2004	Đầu tư nhà máy sản xuất thép hình	giá trị tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng Ngoại thương VN– CN TP. Hồ Chí Minh và CN Vũng Tàu	0009/TD1/05 CN/HDCG	131.283.022.767 VND 8.826.644,88 EUR 9.654.043,14 USD	90 tháng từ tháng 6/2007 ân hạn: 30 tháng	Đầu tư nhà máy luyện phôi thép công suất 500.00 tấn/năm	giá trị tài sản hình thành từ vốn vay và số tiền bảo hiểm cho toàn bộ dự án
Ngân hàng Ngoại thương VN– CN TP. Hồ Chí Minh và CN Vũng Tàu	0040/DTDA/0 7CD-SDBS2	183.732.489.995 VND 13.272.606,02 EUR 64.900,00 USD	84 tháng từ tháng 6/2009 ân hạn: 24 tháng	Đầu tư nhà máy cán thép hợp kim, dự ứng lực công suất 450.000 tấn/năm	giá trị tài sản hình thành từ vốn vay và số tiền bảo hiểm cho toàn bộ dự án

Ghi chú: Lãi suất thỏa thuận



11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 29: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2007 – 2009

Chỉ tiêu	Đvt	2007	2008	2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,05	1,13	1,40
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,84	0,86	0,68
2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	87,55	68,29	63,04
+ Hệ số Nợ /Vốn chủ sở hữu	%	712,83	216,19	190,23
3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	16,27	23,24	5,21
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	4,37	4,29	1,26
4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,44	6,16	8,71
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,92	26,44	10,93
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn góp bình quân (*)	%	18,93	144,78	97,19
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	15,60	83,68	32,99
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,46	6,86	10,96

(Nguồn: Pomina)

(*) Vốn thực góp từ 01/01/2008 đến 16/07/2008 là 143.298.744.652 đồng. Vốn thực góp từ 17/07/2008 đến 31/12/2008 là 500.000.000.000 đồng. Vốn góp bình quân 2008 là 307.479.048.483 đồng, tương đương 30.747.904 cổ phần

Vốn thực góp từ 01/01/2009 đến 09/07/2009 là 500.000.000.000 đồng. Vốn thực góp từ 10/07/2009 đến 21/12/2009 là 820.000.000.000 đồng. Vốn thực góp từ 22/12/2009 đến 31/12/2009 là 1.620.000.000.000 đồng. Vốn góp bình quân 2009 là 675.342.470.000 đồng, tương đương 67.534.247 cổ phần

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Pomina tăng dần qua các năm, đến năm 2009 là 1,4 lần, cho thấy khả năng doanh nghiệp đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn ngày càng tốt hơn.

Hệ số thanh toán nhanh ổn định qua các năm.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Hệ số nợ/tổng tài sản giảm dần từ năm 2007 đến năm 2009 do Công ty thực hiện việc tái cấu trúc cơ cấu nguồn vốn trong các năm này. Năm 2008, Pomina chuyển đổi loại hình hoạt động từ Công ty trách nhiệm hữu hạn thành Công ty cổ phần và tăng vốn điều lệ từ 143 tỷ đồng (năm 2007) lên 500 tỷ đồng (năm 2008). Năm 2009, Công ty thực hiện phát hành để huy động vốn (vốn điều lệ tăng lên 820 tỷ vào tháng 07/2009 và đến cuối năm 2009 là 1.620 tỷ đồng) nhằm tài trợ dự án, bổ sung nguồn vốn kinh doanh và sở hữu 100%⁹ Thép Thép Việt. Điều này đã làm giảm tỷ lệ nợ trên tổng nguồn vốn, và như vậy Công ty sẽ giảm rủi ro cũng như áp lực về chi phí vay.

Tương tự, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu cũng biến động giảm đáng kể từ năm 2007 là 712,83% còn 190,23% vào năm 2009.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Chỉ số vòng quay hàng tồn kho năm 2009 giảm so với năm 2008 do Công ty thay đổi chính sách quản trị và dự trữ hàng tồn kho nguyên liệu vật liệu đầu vào để đảm bảo khâu sản xuất ổn định, đáp ứng được nhu cầu khách hàng. Số liệu hàng tồn kho cuối năm 2008 là 305 tỷ đồng, trong khi đến cuối năm 2009, con số này là 1.248 tỷ đồng.

Chỉ số doanh thu thuần trên tổng tài sản năm 2009 giảm so với 2008 do trong năm Công ty đang trong giai đoạn đầu tư nhà máy mới nên tổng tài sản tăng, trong khi dự án đến cuối 2011 mới bắt đầu đi vào hoạt động và tạo ra doanh thu.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần tăng từ mức 0,44% năm 2007 lên mức 6,16% năm 2008 và năm 2009 là 8,71%. Nguyên nhân chủ yếu do giá vốn hàng bán giảm (do khấu hao giảm, tiêu hao nguyên vật liệu giảm).

Tương tự, hệ số lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần cũng tăng từ mức 0,46% năm 2007 lên mức 6,86% năm 2008 và năm 2009 là 10,96%.

Hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản tăng đáng kể so với năm 2007 nhưng giảm so với năm 2008, nguyên nhân do trong năm 2009, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư nhà máy mới.

Lợi nhuận sau thuế trên vốn góp bình quân và lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu tăng đáng kể so với năm 2007 nhưng giảm so với năm 2008, nguyên nhân do trong năm 2009, Công ty thực hiện 2 đợt phát hành tăng vốn từ 500 tỷ đồng (đầu năm 2009) đến 1.620 tỷ đồng (cuối năm 2009).

⁹ Đến ngày 02/03/2010, nhằm duy trì hình thức hoạt động là công ty cổ phần đối với Thép Thép Việt để tiếp tục được hưởng các chính sách ưu đãi từ các tổ chức tín dụng, Pomina đã chuyển nhượng 0,5% cổ phần Thép Thép Việt cho 02 cá nhân. Hiện tại, Pomina sở hữu 99,5% cổ phần của Thép Thép Việt.



12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Ông Đỗ Xuân Chiêu: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **Đỗ Xuân Chiêu**
- Số chứng minh nhân dân : 022532931 do Công an Tp.HCM cấp ngày 18/2/2004
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 03/11/1956
- Nơi sinh : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Tây
- Địa chỉ thường trú : 77B Hoàng Văn Thụ, F.15, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 064.3923286
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1993 – 2004: Công tác tại Công ty TNHH TM-SX Thép Việt
 - Từ năm 2005 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Thép Việt
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thép Pomina
 - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Việt
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 960.000 cổ phần, chiếm 0,59% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 960.000 cổ phần, chiếm 0,59% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
Nguyễn Thị Tuyết	Vợ	4.746.550	2,91%
Đỗ Văn Phúc	Anh ruột	1.960.000	1,20%
Đỗ Duy Thái	Anh ruột	0 (*)	0%
Đỗ Thị Kim Cúc	Em ruột	4.721.980	2,90%
Đỗ Thị Kim Ngọc	Em ruột	7.590.100	4,66%
Nhung Do	Em ruột	4.236.690	2,60%
Đỗ Văn Khánh	Em ruột	480.000	0,29%



Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
Đỗ Tiến Sĩ	Em ruột	4.448.160	2,73%

(*) *Sở hữu cá nhân, không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu*

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

2. Ông Đỗ Tiến Sĩ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **Đỗ Tiến Sĩ**
- Số chứng minh nhân dân : 021688204 do Công an Tp.HCM cấp ngày 26/11/1996
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 07/10/1967
- Nơi sinh : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Tây
- Địa chỉ thường trú : Số 35 đường 31, F.Bình An, Q.2, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 0650.3710051
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Bác Sĩ Y khoa (1992), Đại học Quản trị kinh doanh tại Úc (1996)
- Quá trình công tác:
 - 1995 - 2000: Phó Tổng Giám đốc Công ty Thép Tây Đô
 - 2000 - 2008: Tổng Giám đốc Công ty Thép Pomina
 - 2009 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Thép Pomina, Tổng Giám đốc Nhà máy luyện phôi thép (Pomina 3)
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thép Pomina
 - Tổng Giám đốc Nhà Máy Luyện Thép (Pomina 3) – Công ty Cổ phần Thép Pomina
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 4.448.160 cổ phần, chiếm 2,73% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 4.448.160 cổ phần, chiếm 2,73% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:



Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
Đỗ Văn Phúc	Anh ruột	1.960.000	1,20%
Đỗ Duy Thái	Anh ruột	0 (*)	0%
Đỗ Xuân Chiêu	Anh ruột	960.000	0,59%
Đỗ Thị Kim Cúc	Chị ruột	4.721.980	2,90%
Đỗ Thị Kim Ngọc	Chị ruột	7.590.100	4,66%
Nhung Do	Chị ruột	4.236.690	2,60%
Đỗ Văn Khánh	Anh ruột	480.000	0,29%

(*) Sở hữu cá nhân, không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

3. Bà Đỗ Thị Kim Cúc: Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **Đỗ Thị Kim Cúc**
- Số chứng minh nhân dân : 020985261 do Công an Tp.HCM cấp ngày 9/12/1994
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 28/05/1959
- Nơi sinh : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tầm Khê, Hà Đông
- Địa chỉ thường trú : 6/16 Đường số 3 Cư xá Lữ Gia, F.15, Q.11, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08.38 750 045
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Trung Cấp
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1993 – nay: Công tác tại Công ty TNHH TM-SX Thép Việt
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thép Pomina
 - Giám đốc Bán hàng Công ty TNHH TM-SX Thép Việt
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 4.721.980 cổ phần, chiếm 2,90% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 4.721.980 cổ phần, chiếm 2,90% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
Đỗ Văn Phúc	Anh ruột	1.960.000	1,20%
Đỗ Duy Thái	Anh ruột	0 (*)	0%
Đỗ Xuân Chiêu	Anh ruột	960.000	0,59%
Đỗ Thị Kim Ngọc	Em ruột	7.590.100	4,66%
Nhung Do	Em ruột	4.236.690	2,60%
Đỗ Văn Khánh	Em ruột	480.000	0,29%
Đỗ Tiến Sĩ	Em ruột	4.448.160	2,73%

(*) Sở hữu cá nhân, không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

4. Ông Đỗ Duy Thái: Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **Đỗ Duy Thái**
- Số chứng minh nhân dân : 021688233 do Công an Tp.HCM cấp ngày 19/01/1995
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/08/1953
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Tây
- Địa chỉ thường trú : 14 Lữ Gia, F.15, Q.11, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08.38 655 311
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Đại học sư phạm
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1993 – nay: Công tác tại Công ty TNHH TM-SX Thép Việt
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thép Pomina
 - Tổng Giám đốc Công ty TNHH TM-SX Thép Việt



- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 98.165.000 cổ phần, chiếm 60,22% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần đại diện: 98.165.000 cổ phần, chiếm 60,22% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
Phạm Thanh Nghị	Vợ	4.892.420	3,00%
Đỗ Văn Phúc	Anh ruột	1.960.000	1,20%
Đỗ Xuân Chiêu	Em ruột	960.000	0,59%
Đỗ Thị Kim Cúc	Em ruột	4.721.980	2,90%
Đỗ Thị Kim Ngọc	Em ruột	7.590.100	4,66%
Nhung Do	Em ruột	4.236.690	2,60%
Đỗ Văn Khánh	Em ruột	480.000	0,29%
Đỗ Tiến Sĩ	Em ruột	4.448.160	2,73%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

5. Ông Đỗ Văn Khánh: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

- Họ và tên : **Đỗ Văn Khánh**
- Số chứng minh nhân dân : 021692529 do Công an Tp.HCM cấp ngày 14/7/2003
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 29/08/1965
- Nơi sinh : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Tây
- Địa chỉ thường trú : 281/2Bis2 Lý Thường Kiệt, F.15, Q.11, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 0650.3710051
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Đại học Sư phạm
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1993 – 2002: Công tác tại Công ty TNHH TM-SX Thép Việt
 - Từ năm 2002 – 2007: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thép Pomina



- Từ năm 2007- 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Việt
- Từ năm 2009 – nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Pomina
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thép Pomina
 - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Pomina
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 480.000 cổ phần, chiếm 0,29% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 480.000 cổ phần, chiếm 0,29% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
Trần Kim Phượng	Vợ	4.422.270	2,71%
Đỗ Văn Phúc	Anh ruột	1.960.000	1,20%
Đỗ Duy Thái	Anh ruột	0 (*)	0%
Đỗ Xuân Chiêu	Anh ruột	960.000	0,59%
Đỗ Thị Kim Cúc	Chị ruột	4.721.980	2,90%
Đỗ Thị Kim Ngọc	Chị ruột	7.590.100	4,66%
Nhung Do	Chị ruột	4.236.690	2,60%
Đỗ Tiến Sĩ	Em ruột	4.448.160	2,73%

(*) Sở hữu cá nhân, không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không



Thành viên Ban Giám đốc

1. Ông Đỗ Văn Khánh: Tổng Giám đốc

(Xem thông tin chi tiết ở trên)

2. Ông Trương Thành Phúc: Phó Tổng Giám Đốc

- Họ và tên : **Trương Thành Phúc**
- Số chứng minh nhân dân : 024319716 do Công an Tp.HCM cấp ngày 01/02/2005
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 17/07/1964
- Nơi sinh : Nha Trang – Khánh Hòa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú : 361/1 Lê Quang Định, F.15, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 0650.3710051
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cán thép
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1995 – 2000: Công tác tại Công ty Thép Vinakyoei
 - Từ năm 2001 – nay: Công tác tại Công ty Thép Pomina.
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Phó Tổng Giám Đốc Sản Xuất
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không



3. Bà Nguyễn Thanh Lan: Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : **Nguyễn Thanh Lan**
- Số chứng minh nhân dân : 022717281 do Công an Tp.HCM cấp ngày 19/05/2008
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 02/09/1974
- Nơi sinh : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú : 21/5B Lý Chính Thắng, F.8, Q.3 TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 0650.3710051
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính – Kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1996 – 2003: Công tác tại Công ty TNHH TM-SX Thép Việt
 - Từ 2003 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Thép Pomina
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Pomina
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 1.894.010 cổ phần, chiếm 1,16% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 1.894.010 cổ phần, chiếm 1,16% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không



Thành viên Ban Kiểm soát

1. Ông Trần Tô Tử - Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên : **Trần Tô Tử**
- Số chứng minh nhân dân : 021830706 do Công an Tp.HCM cấp ngày 05/02/2004
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 03/08/1952
- Nơi sinh : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vĩnh Long
- Địa chỉ thường trú : 21/5/1 Lý Chính Thắng, Q.3, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 0650.3710051
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Thương mại – Quản trị doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
 - 1978 – 1980: Làm việc cho chương trình “Hợp tác hóa nông nghiệp” của chính phủ - với công việc cụ thể là tham gia hoạch định chính sách.
 - 1980 – 1989: Làm việc tại Liên Hiệp Các Xí Nghiệp Đồ Hộp thuộc Bộ Công nghiệp thực phẩm – công việc: quản trị nhân sự.
 - 1989 – 1994: Làm việc tại Cty Vàng Bạc Đá Quý TP.HCM thuộc UBND TP.HCM – công việc: Trưởng phòng đầu tư & tiếp thị.
 - 1994 – 1998:
 - ✓ Làm việc tại Viện Kinh Tế TP.HCM – công việc: nghiên cứu đề xuất các chính sách, giải pháp kinh tế - tài chính vĩ mô và vi mô.
 - ✓ Thành viên Tổ Tư Vấn của Thủ Tướng Võ Văn Kiệt
 - 1999 – 2000: Làm việc tại Phân Viện Nghiên Cứu Tài Chính TP.HCM: nghiên cứu đề xuất các chính sách, giải pháp kinh tế - tài chính vĩ mô và vi mô phục vụ cho việc quản lý kinh tế theo yêu cầu của Bộ Tài Chính.
 - 2000 – 2003: Giám Đốc Cty CP Tư Vấn Đầu Tư ICC
 - 2003 – 2006: Phó Tổng Giám Đốc Cty CP Kinh Đô – Phụ trách về kế hoạch, chiến lược & đào tạo
 - 2007 – 2009: Phó Tổng Giám Đốc Cty CP Thép-Thép Việt
 - Những công việc khác đã làm từ năm 1978 đến nay:
 - ✓ Tư Vấn thường xuyên và tư vấn từng việc cho một số doanh nghiệp.
 - ✓ Giảng dạy tại: Viện Phát triển Kinh Tế thuộc Đại học Kinh Tế TP.HCM – PACE – các khóa CEO – CFO các môn: Phát triển kỹ năng lãnh đạo – Thiết kế và tái cấu trúc hệ thống quản lý – Quản trị tài chính – Thị



trường chứng khoán – Tư vấn và Phương thức sử dụng tư vấn – Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư....

✓ Cộng tác viên tư vấn Thời báo kinh tế Saigon và Saigon Tiếp thị

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Trưởng Ban Kiểm Soát – Công ty Cổ phần Thép Pomina.
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 2.500 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 2.500 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan: không

Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
Trần Kim Giao	Con ruột	3,500	0.002%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

2. Ông Nguyễn Bạch Trường Chinh: Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên : **Nguyễn Bạch Trường Chinh**
- Số chứng minh nhân dân : 023626065 do Công an Tp.HCM cấp ngày 23/02/1998
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 11/04/1968
- Nơi sinh : Tiền Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú : 2/20 Cư xá Lữ Gia, F.15, Q.11, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 0650.3710051
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính ngân hàng, Kỹ sư điện công nghiệp
- Quá trình công tác:
 - Năm 1993 – nay: Công tác tại Công ty Thép Việt
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Thành viên Ban kiểm soát
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
Nguyễn Thế Anh Tuấn	Em ruột	3.384.360	2,08%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

3. Ông Đỗ Hoàn Mỹ: Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên : Đỗ Hoàn Mỹ
- Số chứng minh nhân dân : 023449206 do Công an Tp.HCM cấp ngày 20/7/1999
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 19/01/1983
- Nơi sinh : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : TP.HCM
- Địa chỉ thường trú : Số 9 đường số 2 Cư xá Lũ Gia, F.15, Q.11, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 0902802289
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ 1999 đến nay: Phó Ban Quản Lý Dự Án, Phụ trách Bộ Phận Tài Chính tại Nhà máy luyện phôi thép.
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Pomina
 - Phó Ban Quản Lý Dự Án, Phụ trách Bộ Phận Tài Chính tại Pomina 3
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
Đỗ Văn Phúc	Cha ruột	1.960.000	1,20%
Nguyễn Thị Lan	Mẹ ruột	2.207.770	1,35%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không



- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Nhựt Trường: Kế toán trưởng

- Họ và tên : **Nguyễn Nhựt Trường**
- Số chứng minh nhân dân : 024863091 do Công an Tp.HCM cấp ngày 06/12/2007
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 14/11/1970
- Nơi sinh : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bến Tre
- Địa chỉ thường trú : 198 Lý Tế Xuyên, F.Linh Đông, Q.Thủ Đức, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 0650.3710051
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán – Chứng chỉ CFO
- Quá trình công tác:
 - Năm 2000: Kế toán trưởng Victoria Phan Thiết Resort
 - Năm 2001 – 2002: Kế toán trưởng Công ty xây dựng và trang trí nội thất Tiên Phong
 - Năm 2003 – Nay: Kế toán trưởng Công ty Thép Pomina.
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Kế toán trưởng
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không



13. Tài sản

Các tài sản chính của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2009 như sau:

Bảng 30: *Danh mục tài sản cố định chính*

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Năm 2009	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	2.222.195	1.641.415
Nhà xưởng, vật kiến trúc	325.648	293.990
Máy móc thiết bị	1.830.764	1.316.169
Phương tiện vận tải truyền dẫn	55.665	25.480
Thiết bị dụng cụ quản lý	9.146	4.845
Tài sản khác	971	931
Tài sản cố định vô hình	365	155
Phần mềm máy tính	365	155

(Nguồn: Pomina)



Bảng 31: Danh mục tài sản là đất đai, bất động sản

Địa điểm	Diện tích	Hình thức Hợp đồng	Giá	Thời hạn	Mục đích sử dụng
Lô M-KCN Sóng Thần	37.800 m ²	Hợp đồng thuê lại đất số 25/HĐTLĐ/ST2 ngày 27-12-1999	1 USD/m ² /năm	30 năm	Tất cả diện tích đất trong các hợp đồng dưới đây đã được Công ty cổ phần thép Pomina sử dụng xây dựng hai nhà máy cán đang hoạt động
Lô M-KCN Sóng Thần	5.090 m ²	Hợp đồng thuê lại đất số 66/HĐTLĐ/ST2 ngày 23-8-2000	1 USD/m ² /năm	30 năm	
Lô L-KCN Sóng Thần	21.716 m ²	Hợp đồng thuê lại đất số 131/HĐTLĐ/ST2 ngày 12-9-2002		31-12-2045	
	37.800 m ² ,	Hợp đồng thuê đất số: 25/HĐTLĐ/ST2 ngày 27/12/1999 giữa Công ty và Công ty CP Đại Nam		30 năm	
KCN Phú Mỹ 1 Bà Rịa – Vũng Tàu	354.785,6 m ²	Hợp đồng thuê lại đất số 35/HĐ/TLĐ/IZICO ngày 24/11/2008	1,4 USD/m ² /năm	31/10/2048	Đang triển khai xây dựng dự án luyện cán 1 triệu tấn năm và sẽ đưa vào hoạt động năm 2010
KCN Phú Mỹ 1	168.879,6m ²	Hợp đồng thuê đất số: 35/HĐTLĐ/IZICO ngày 24/11/2008 giữa Công ty CP Thép Pomina và Công ty Đầu tư & Khai thác hạ tầng KCN Đồng Xuyên	1,4 USD/m ² /năm	31/10/2048	Đang sử dụng cho nhà máy luyện – cán thép 500 ngàn tấn năm đang hoạt động
KCN Phú Mỹ 1	111.405,80m ²	Hợp đồng thuê số: 04/HĐTLĐ/IZICO ngày 18/01/2007. Phụ lục số: 45/PLHĐ/IZICO.08 ngày 12/05/2008		01/10/2048	
Lô H Khu dân cư đô thị mới Phú Mỹ	5.000 m ²	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 85/HĐCN-QSDĐ ngày 08-6-2009	18 tỷ		

(Nguồn: Pomina)



14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức 2009-2011

Bảng 32: Dự kiến các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh 2010 – 2013

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Tỷ đồng	% so 2009	Tỷ đồng	% so 2010	Tỷ đồng	% so 2011	Tỷ đồng	% so 2012
Doanh thu thuần	10.117	34,20	10.162	40,58	10.162	40,58	12.831	77,49
Trong đó:								
- Doanh thu HĐSXKD	10.117		10.162		10.162		12.831	
Lợi nhuận sau thuế	612		681		742		897	
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,05%		6,70%		7,30%		6,99%	
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	32,71%		33,70%		34,18%		41,31%	
Cổ tức	20%		20%		25%		25%	

(Nguồn: Pomina)



15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

15.1. Căn cứ và chiến lược để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Tên	Công suất (Tấn)	2009	2010	2011	2012	2013
Dàn máy cán thép 0,5 triệu tấn đưa vào sản xuất tại Thép Thép Việt từ Tháng 07/2009						
Doanh thu tham gia (triệu đồng)	500.000	1.540.000	4.157.000	4.620.000	4.620.000	4.620.000
Dự án luyện thép 1,0 triệu Tấn: sẽ đưa vào sản xuất Quý 4/2011: Dự án này chỉ bắt đầu đưa vào tính kết quả kinh doanh từ 2012.						
Doanh thu tham gia (triệu đồng)	1.000.000				0	0
Dự án cán 0,5 triệu tấn: sẽ đưa vào sản xuất từ cuối năm 2012: Dự án này chỉ tính vào kết quả kinh doanh 2013.						
Doanh thu tham gia (triệu đồng)	500.000					2.669.000
Dự án Cảng 3 triệu tấn: sẽ đưa vào vận hành cuối năm 2013, dự án này chưa được đưa vào kết quả kinh doanh trong bảng này.						

(Nguồn: Pomina)



15.2. Đánh giá về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Năm 2010, doanh thu ước tính là 10.117 tỷ đồng, tăng 34,20% so với năm 2009. Nguyên nhân do trong năm 2010, dàn máy cán thép 500.000 tấn của Thép Việt đạt công suất 405.000 tấn vào năm thứ 2 (bắt đầu đi vào sản xuất là từ cuối 2009 với công suất đạt 150.000 tấn), doanh thu mang lại của riêng dàn cán thép này là 4.157 tỷ đồng.
- Từ năm 2011 trở đi, dàn cán thép 500.000 tấn của Thép Việt dự kiến sẽ hoạt động ổn định với công suất 450.000 tấn mỗi năm, như vậy doanh thu của dàn cán này mang lại ước tính 4.620 tỷ mỗi năm. Ngoài ra, trong năm 2013, doanh thu tăng thêm 26,26% so với năm 2012 nhờ vào dự án dàn cán 500.000 tấn tại Nhà máy luyện phôi thép sẽ đi vào hoạt động từ cuối năm 2012 với công suất 260.000 tấn cho năm đầu tiên, và doanh thu tham gia là 2.669 tỷ đồng.
- Lợi nhuận năm 2010 – 2012, Pomina xây dựng kế hoạch lợi nhuận thấp hơn năm 2009, nguyên nhân do Công ty đang trong quá trình đầu tư dự án Nhà máy Luyện phôi thép nên phải chịu chi phí đầu tư cao (với cơ cấu vốn đầu tư gồm 64% vốn vay, 36% vốn tự có).
- Năm 2012, 2013 dự án luyện phôi 1 triệu tấn và dự án cán 500.000 tấn của Nhà máy Luyện phôi thép lần lượt đi vào hoạt động. Đây là nguyên nhân làm cho lợi nhuận năm 2013 được xây dựng tăng trưởng hơn 20% so với năm 2012.
- Ngoài ra, cuối năm 2013, dự án cảng 3 triệu tấn sẽ được đưa vào vận hành. Điều này đóng góp vào sự tăng trưởng bền vững cho Công ty Pomina.
- Với tỷ lệ cổ tức ổn định là 20%/mệnh giá trong 3 năm 2009-2011 và 25% từ năm 2012, Công ty sử dụng trung bình hơn 50% lợi nhuận theo kế hoạch để trả cổ tức. Như vậy phần lợi nhuận còn lại đủ cho Công ty trích lập các quỹ theo quy định và bổ sung nguồn vốn kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.
- Dựa vào kết quả kinh doanh đạt vượt kế hoạch năm 2009, những căn cứ xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 2009 – 2013 thì kế hoạch kinh doanh của Pomina có tính khả thi.
- Những nhận xét trên chỉ nhằm mục đích tham khảo, không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

15.3. Phân tích Doanh nghiệp theo mô hình SWOT

Điểm mạnh	Điểm yếu
- Thương hiệu thép có uy tín. - Mạng lưới phân phối sản phẩm, dịch vụ rộng khắp: bao gồm 07 Tổng đại lý và hơn 800 đại lý cấp II. Chi phí sản xuất thấp nhờ vào quy mô công suất lớn. - Công nghệ sản xuất hiện đại, giá thành cạnh tranh. - Chủ động nguồn nguyên liệu sản xuất nhờ vào Nhà máy luyện phôi của Thép Thép Việt công suất 500.000 tấn/năm hoạt động từ tháng 10/2007. - Hơn nữa, Pomina đang trong quá trình xây dựng và lắp đặt thêm 1 nhà máy có công suất 1 triệu tấn luyện và 0,5 triệu tấn cán, công suất khi nhà máy đi vào hoạt động: 1,5 triệu tấn cán và 1,6 triệu tấn luyện → trở thành Công ty có công suất sản xuất lớn nhất Việt Nam và Đông Nam Á. Kế hoạch đầu tư dự án nói trên của Pomina là nhằm tham gia vào chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu của ngành thép. Theo đó, các doanh nghiệp sản xuất thép được khuyến khích đầu tư ngay tại nguồn để tạo nguồn nguyên liệu ổn định, tiết kiệm ngoại tệ từ việc giảm nhập khẩu phôi thép. - Tiềm lực tài chính mạnh, giúp Công ty có thể điều tiết lượng hàng tồn kho tùy vào biến động của thị trường. - Hệ thống quản lý: SAP toàn hệ thống tất cả các nghiệp vụ. - Đội ngũ Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên nhiều kinh nghiệm trong ngành, chuyên nghiệp và luôn được đào tạo liên tục.	- Từ nay đến Quý 3/2011, khi Thép Thép Việt đã đưa thêm một nhà máy cán đi vào hoạt động (07/2009) với công suất 500.000 tấn/năm, thì công suất luyện của Nhà máy Thép Thép Việt chỉ mới đáp ứng 45% công suất cán của toàn Pomina, do đó Công ty vẫn còn phải nhập nguyên liệu sản xuất trong khi Nhà máy luyện phôi thép chưa đi vào hoạt động. (Điều này sẽ không còn khi nhà máy luyện phôi đi vào hoạt động).



Cơ hội	Nguy cơ
- Kinh tế Thế giới có nhiều chuyển biến tích cực, được dự báo là đã chạm đáy khủng hoảng, làm tăng nhu cầu cho ngành thép. - Nền kinh tế Việt Nam đang nhận được nhiều sự quan tâm từ phía nhà đầu tư nước ngoài, đây chính là yếu tố đẩy nhu cầu về tiêu thụ sản phẩm thép trong thời gian tới. - Chính sách kích cầu của Chính Phủ Việt Nam và giá cả tương đối thấp vào thời điểm hiện tại của Vật liệu Xây dựng đã kích thích các nhà đầu tư nhanh chóng triển khai dự án. - Hiện nay Việt Nam phải nhập gần 50% lượng phôi cho hoạt động cán thép thì tiềm năng cho các doanh nghiệp đầu tư vào ngành thép là rất lớn.	- Nhu cầu ngành thép là khó dự đoán, phụ thuộc vào sức khỏe nền kinh tế. Khi kinh tế đi xuống, tình trạng dư thừa thép xảy ra. Tuy nhiên, trong giai đoạn khủng hoảng vừa qua, với nguồn vốn lưu động sẵn có, Pomina vẫn duy trì hoạt động khá tốt, và còn có thể tận dụng được thời cơ mà khủng hoảng mang lại (đầu tư nhà máy mới ngay ở thời điểm này để tranh thủ nguồn vốn giá rẻ, mua sắm máy móc, thiết bị với giá thấp và đón trước cơ hội thị trường xây dựng sẽ phục hồi mạnh sau vài năm nữa). Như vậy, với tiềm lực tài chính mạnh, nguy cơ khi nền kinh tế đi xuống không ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động Công ty.



15.4. So sánh các chỉ số tài chính với các Doanh nghiệp ngành thép đang niêm yết

Bảng 33: Các chỉ số tài chính của các Doanh nghiệp thép đang niêm yết

Tên Công ty	Niêm yết	Giá (03/03/2010)	SLCP lưu hành	EPS	P/E
HPG	HOSE	64.000	196.364.000	6.512	9,8
HSG	HOSE	52.000	57.018.500	8.100	6,4
HMC	HOSE	19.500	21.000.000	1.287	15,1
HLA	HOSE	23.800	22.800.000	3.497	6,8
NVC	HNX	15.500	15.000.000	888	17,5
VIS	HOSE	57.500	30.000.000	15.108	7,2
VGS	HNX	25.300	37.599.710	2.314	10,9
SMC	HOSE	31.700	14.652.745	5.000	6,3
KKC	HNX	33.500	5.200.000	4.925	6,8
POMINA	OTC	40.000 ⁽²⁾	163.000.000 ⁽³⁾	7.436 ⁽⁴⁾	5,4

(Nguồn: Bản tin thị trường chứng khoán 03/03/2010)

(1) EPS 2009

(2) Bình quân giá OTC từ ngày 21/12/2009 đến 13/01/2010, Đầu tư Chứng khoán.

(3) Số cổ phần lưu hành tại thời điểm hiện tại là 163.000.000 cổ phần. Số cổ phần bình quân trong năm 2009 là 67.534.247 cổ phần.

(4) EPS năm 2009, tính trên số cổ phần lưu hành bình quân năm 2009.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán phát hành

Không có.



V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phiếu niêm yết

163.000.000 cổ phần

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức phát hành

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Thời gian hạn chế chuyển nhượng	Ghi chú
Cổ đông sáng lập				
1	Cty TNHH TM-SX Thép Việt	98.165.000 (số cổ phần của cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập Công ty cổ phần là 48.500.000 cổ phần)	17/07/2011	Cổ đông sáng lập. Ông Đỗ Duy Thái làm đại diện
2	Ông Đỗ Văn Phúc	1.960.000 (số cổ phần của cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập Công ty cổ phần là 1.000.000 cổ phần)	17/07/2011	Cổ đông sáng lập
3	Bà Đỗ Thị Kim Ngọc	7.590.100 (số cổ phần của cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập Công ty cổ phần là 500.000 cổ phần)	17/07/2011	Cổ đông sáng lập
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc, kế toán trưởng				
4	Ông Đỗ Duy Thái (Ông Đỗ Duy Thái làm đại diện sở hữu của Thép Việt)	98.165.000	100% trong 6 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, 50% trong 6 tháng tiếp theo	Thành viên HĐQT.
5	Ông Đỗ Tiến Sĩ	4.448.160	100% trong 6 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, 50% trong 6 tháng tiếp theo	Thành viên HĐQT
6	Bà Đỗ Thị Kim Cúc	4.721.980	100% trong 6 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, 50% trong 6 tháng tiếp theo	Thành viên HĐQT



STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Thời gian hạn chế chuyển nhượng	Ghi chú
7	Ông Đỗ Xuân Chiếu	960.000	100% trong 6 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, 50% trong 6 tháng tiếp theo	Thành viên HĐQT
8	Ông Đỗ Văn Khánh	480.000	100% trong 6 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, 50% trong 6 tháng tiếp theo	Thành viên HĐQT, Ban TGD
9	Bà Nguyễn Thanh Lan	1.894.010	100% trong 6 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, 50% trong 6 tháng tiếp theo	Ban Tổng Giám đốc
10	Ông Trần Tô Tử	2.500	100% trong 6 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, 50% trong 6 tháng tiếp theo	Thành viên Ban kiểm soát
Tổng cộng		120.221.750		

5. Phương pháp tính giá

5.1. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty Cổ phần Thép Pomina là giá được tính toán dựa trên 5 phương pháp: giá so sánh P/E năm 2009, P/E dự kiến cho năm 2010, P/B tại 31/12/2009 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, giá theo phương pháp chiết khấu luồng cổ tức và giá giao dịch trên thị trường không chính thức (OTC).

Đây chỉ là một trong những phương pháp tính giá mà nhà đầu tư có thể tham khảo, ngoài ra giá của Công ty CP Thép Pomina còn phụ thuộc vào cung cầu thị trường.

a. Phương pháp so sánh P/E cho 2009

Mã CK	Vốn điều lệ (đồng)	SLCP lưu hành bình quân 2009	Giá CP (02/03/2010)	LNST năm 2009	EPS 2009	PE 2009
HPG	1.963.639.980.000	196.363.998	63.000	1.282.940.514.470	6.533	9,64

Nguồn: - Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

- Công ty dùng để so sánh là công ty có quy mô vốn và hoạt động kinh doanh tương đồng với công ty cổ phần Thép Pomina.



Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong 12 tháng từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 của công ty cổ phần Thép Pomina.

SLCP lưu hành tại 1/1/2009		Số ngày lưu hành đến 31/12/2009	Tổng SLCP dự kiến lưu hành trong 12 tháng
50.000.000		365	18.250.000.000
SLCP phát hành thêm	Thời điểm phát hành		
32.000.000	10/07/2009	175	5.600.000.000
80.000.000	22/12/2009	10	800.000.000
		SLCP lưu hành bình quân 12 tháng	67.534.247

(Nguồn: Pomina)

- Lợi nhuận năm 2009 của công ty Cổ phần Thép Pomina: 504.890.126.463 đồng
- Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2009 của Công ty Cổ phần Thép Pomina: 67.534.247 cổ phiếu.
- EPS năm 2009 của Công ty cổ phần Thép Pomina: $504.890.126.463 / 67.534.247 = 7.476$ đồng
- Giá dự kiến cổ phiếu của Công ty cổ phần Thép Pomina theo phương pháp P/E cho năm 2009 là: $7.476 \times 9,64 = \underline{\underline{72.069 \text{ đồng/cổ phiếu}}}$

b. Phương pháp so sánh P/E dự kiến cho 2010

Mã CK	Vốn điều lệ	SLCP lưu hành bình quân 2010 *	Giá CP (02/03/2010)	LNST dự kiến năm 2010 **	EPS dự kiến 2010	PE dự kiến 2010
HPG	1.963.639.980.000	196.363.998	63.000	1.350.000.000.000	6.875	9,16

* Giả thiết Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát không có sự thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành trong năm 2010

** Lợi nhuận sau thuế dự kiến cho 2010 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát được tham khảo từ nguồn dự kiến lợi nhuận sau thuế 2010 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

- Lợi nhuận dự kiến năm 2010 của công ty cổ phần Thép Pomina: 612.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2010 của Công ty Cổ phần Thép Pomina: 162.000.000.000 cổ phiếu.
- EPS dự kiến năm 2009 của Công ty cổ phần Thép Pomina:
- $612.000.000.000 / 162.000.000 = 3.778$ đồng
- Giá dự kiến cổ phiếu của Công ty cổ phần Thép Pomina theo phương pháp P/E dự kiến cho năm 2010 là: $3.778 \times 9,16 = \underline{\underline{34.606 \text{ đồng/cổ phiếu}}}$



c. Phương pháp so sánh P/B tại 31/12/2009

Mã CK	Vốn điều lệ	SLCP tại 31/12/2009	Giá CP (2/03/2010)	VCSH tại 31/12/2009	Giá trị sổ sách tại 31/12/2009	P/B 31/12/2009
HPG	1.963.639.980.000	196.363.998	63.000	4.833.170.391.957	24.613	2,56

Nguồn: - Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

- Công ty dùng để so sánh là công ty có quy mô vốn và hoạt động kinh doanh tương đồng với công ty cổ phần Thép Pomina.
- Vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Thép Pomina tại thời điểm 31/12/2009 là: 1.981.117.187.973 đồng
- Số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm 31/12/2009 là: 162.000.000 cổ phiếu
- Giá trị sổ sách một cổ phiếu của công ty cổ phần Thép Pomina tại thời điểm 31/12/2009 là: $1.981.117.187.973 / 162.000.000 = 12.229$ đồng/cổ phiếu
- Giá dự kiến cổ phiếu của Công ty cổ phần Thép Pomina theo phương pháp P/B tại 31/12/2009 là: $12.229 \times 2,56 = \underline{\underline{31.306 \text{ đồng/cổ phiếu}}}$

d. Phương pháp chiết khấu luồng tiền cổ tức (DDM)

Công thức tính:

$$PV = \sum_{t=1}^n \frac{CF_t}{(1+k)^t} + \frac{P_n}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

- PV là giá trị hiện tại của doanh nghiệp
- CF_t là giá trị luồng cổ tức (t có giá trị từ 1 cho đến 5) tính cho giai đoạn 2009-2013
- t là thứ tự các năm kế tiếp từ năm xác định giá cổ phiếu ($t = 1 \rightarrow n$)
- k là tỷ lệ chiết khấu hay tỷ lệ hoàn vốn cần thiết của nhà đầu tư khi mua cổ phần. k tính theo công thức:

$$k = R_f + R_p, \text{ trong đó:}$$

R_f là tỷ suất lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư không rủi ro được tính bằng lãi suất của Trái phiếu chính phủ kỳ hạn 5 năm phát hành đợt gần nhất.

R_p là tỷ lệ phụ phí rủi ro khi đầu tư được xác định theo bảng số phụ phí rủi ro theo niên giám quốc tế tại niên giám định giá và không được vượt quá tỷ suất lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư không rủi ro.

Cụ thể: $k = 17,45\%$

Trong đó:

- $R_f = 10,8\%$ (Bloomberg)
- $R_p = 6,65\%$ (Bloomberg) trong đó: Risk premium = 6,5% (Bloomberg) và $\beta = 1,023$ (Bloomberg)



- g là tỷ lệ tăng trưởng hàng năm của cổ tức. g được tính theo công thức:
 $g = b \times R$, trong đó:
 b : tỷ lệ lợi nhuận sau thuế để bổ sung vốn
 R : tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
- P_n là giá trị các luồng cổ tức tương lai từ năm thứ $(n + 1)$ trở đi được tính về thời điểm n . P_n được tính theo công thức:

$$P_n = CF_{n+1} / (k_{n+1} - g)$$

Trong đó:

CF_{n+1} là giá trị luồng tiền cổ tức cho năm thứ $n + 1$, được tính như sau

$$CF_{n+1} = CF_n \times (1+g)$$

Thay số vào công thức trên, giá của cổ phiếu Công ty Cổ phần Thép Pomina theo phương pháp chiết khấu luồng cổ tức là **23.336 đồng/cổ phiếu**.

e. Giá OTC

Tham khảo giá giao dịch của công ty Cổ phần Thép Pomina trên thị trường không chính thức tại thời điểm gần nhất với thời điểm niêm yết. Giá cổ phiếu của Công ty cổ phần Thép Pomina trên thị trường OTC trong khoảng thời gian gần với thời điểm niêm yết bình quân vào khoảng 40.100 đồng/cổ phiếu (Nguồn: Báo đầu tư chứng khoán).

5.2. Tổng kết giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty Cổ phần Thép Pomina

Phương pháp	Giá tham chiếu (đồng)	Tỷ trọng	Giá tham chiếu trung bình theo tỷ trọng
P/E 2009	72.069	20%	14.414
P/E dự kiến 2010	34.606	20%	6.921
P/B tại 31/12/2009	31.306	20%	6.261
DDM	23.336	20%	4.667
Giá OTC	40.100	20%	8.020
Giá tham chiếu bình quân		100%	40.283

Theo phương pháp tính giá trên, giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty Cổ phần Thép Pomina vào ngày giao dịch đầu tiên khi niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là 40.283 đồng/cổ phiếu, được làm tròn là **40.000 đồng/cổ phiếu**.



6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Công ty không có giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phần của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó qui định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng. Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên SGDCK TPHCM thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Tỷ lệ sở hữu hiện tại của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu Pomina là 6,40%.

7. Các loại thuế liên quan

7.1. Thuế thu nhập Doanh nghiệp:

Công ty Cổ phần Thép Pomina được hưởng thuế suất bằng 15% lợi nhuận thu được từ năm 2004 đến năm 2013 và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2004 và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm thứ 5 Công ty được hưởng ưu đãi 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Thép Việt: được hưởng thuế suất bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2007 đến năm 2021) và bằng 28% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 04 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm thứ 3 Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

7.2. Thuế đối với nhà đầu tư:

❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH-12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 đã đưa các nhà đầu tư cá nhân có các khoản thu nhập phát sinh từ kinh doanh chứng khoán vào đối tượng điều chỉnh. Cách xác định thuế thu nhập cá nhân (thuế TNCN) phải nộp của các đối tượng này được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/09/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 30/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, và Thông tư số 62/2009/TT-BTC ngày 27/03/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư 84/2008/TT-BTC.

❖ Đối với nhà đầu tư tổ chức

- **Thu nhập từ cổ tức:** được miễn thuế TNDN (Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008)
- **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:**

Nhà đầu tư là tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài đáp ứng đủ các điều kiện: (i) Có cơ sở thường trú tại Việt Nam, (ii) Thời hạn kinh doanh tại Việt Nam theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ từ 183 ngày trở lên kể từ ngày hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ



có hiệu lực, và (iii) Áp dụng chế độ kế toán Việt Nam đóng thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuế TNDN) trên phần chênh lệch giá khi chuyển nhượng chứng khoán theo quy định tại *Phần E Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và hướng dẫn thi hành nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008*

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ các điều kiện: (i) Có cơ sở thường trú tại Việt Nam, (ii) Thời hạn kinh doanh tại Việt Nam theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ từ 183 ngày trở lên kể từ ngày hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ có hiệu lực, và (iii) Áp dụng chế độ kế toán Việt Nam phải đóng thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu theo quy định tại *Điểm 3 Mục III Phần B Thông tư 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.*



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Hội sở

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3 824 2897

Fax: (84.8) 3 824 2997

E-mail: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ

Địa chỉ: 92-94-96-98 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.4) 3 821 8567

Fax: (84.4) 3 821 3867

Phòng giao dịch 3/2

Địa chỉ: 03 đường 3/ 2, Phường 11, Quận 10, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3 818 1450

Fax: (08) 3 818 1451

Phòng giao dịch Hồng Bàng

Địa chỉ: 769 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 6, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3 969 5898

Fax: (08) 3 9695894

Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền,, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 3 936 6321

Fax: (84.4) 3 936 6311

Email: ssi_hn@ssi.com.vn

Chi nhánh Trần Bình Trọng

Địa chỉ: 25 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 3 942 6718

Fax: (84.4) 3 942 6719

Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84.31) 3 356 9123

Fax: (84.31) 3 356 9130

Chi nhánh Vũng Tàu

Địa chỉ: 04 Lê Lợi, Phường 1, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: (84.64) 3 521 906

Fax: (84.64) 3 521 907

Chi nhánh Nha Trang

Địa chỉ: 50 Lê Thành Phương, P.Phương Sài, Tp.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: (84.58) 3 816 969

Fax: (84.58) 3 816 968



2. Tổ chức kiểm toán

❖ Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán (AFC)

Địa chỉ: Lầu 2 Indochina Park Tower, 4 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 6 2200 237

Fax: (84-8) 6 2200 265



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2010

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA
CHỦ TỊCH HĐQT**

ĐỖ XUÂN CHIỀU

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ VĂN KHÁNH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN TÔ TỬ

NGUYỄN NHỰT TRƯỜNG

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

NGUYỄN HỒNG NAM



VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1: Xác nhận của Công ty Kiểm toán AFC-BDO về tính khả thi của phương án kiểm kê tồn kho phế liệu;
2. Phụ lục 2: Danh sách nhà đầu tư riêng lẻ đợt phát hành tháng 07/2009;
3. Phụ lục 3: Danh sách cổ đông Thép Thép Việt hoán đổi cổ phiếu đợt phát hành tháng 12/2009;
4. Phụ lục 4: Danh sách nhà đầu tư tổ chức đợt phát hành riêng lẻ tháng 01/2010;
5. Phụ lục 5: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
6. Phụ lục 6: Điều lệ Công ty;
7. Phụ lục 7: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2007, 2008 và 2009 (Công ty mẹ và hợp nhất), Báo cáo kiểm toán nguồn vốn ngày 07/01/2010;
8. Phụ lục 8: Hồ sơ định giá tài sản tại 31/12/2007.